

## BÁO CÁO

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh**

### Phần 1

## TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

### I. TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ

#### 1. Cấu trúc Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính

Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) ban hành kèm theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh được xây dựng riêng cho 03 khối cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Khối các cơ quan thuộc UBND tỉnh: Được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá. Thang điểm đánh giá là 100 điểm; trong đó, điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học là 40 điểm.

- Khối UBND các huyện, thị xã, thành phố: Được cấu trúc thành 9 lĩnh vực đánh giá. Thang điểm đánh giá là 100 điểm; trong đó, điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học là 40 điểm.

- Khối các cơ quan Trung ương: Được cấu trúc thành 3 lĩnh vực đánh giá. Thang điểm đánh giá là 100 điểm; trong đó, điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học là 75 điểm.

#### 2. Phương pháp đánh giá, xác định Chỉ số CCHC

a) Tự đánh giá: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị mình theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số CCHC và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị, địa phương được Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC thẩm định để xem xét công nhận hoặc điều chỉnh.

b) Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: Việc đánh giá thông qua điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau và thực hiện theo Kế hoạch do UBND tỉnh ban hành hàng năm. Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng theo nội dung các tiêu chí của Bộ chỉ số CCHC.

## II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022

### 1. Công tác triển khai thực hiện

- Ngày 05 tháng 10 năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3241/QĐ-UBND triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2022 của các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Theo Kế hoạch, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tự đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và gửi về Sở Nội vụ chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2022; đồng thời chỉ đạo việc điều tra xã hội học; tổ chức thẩm định, phúc tra kết quả Chỉ số CCHC năm 2022 và giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp triển khai thực hiện.

- Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã ban hành Hướng dẫn số 1485/HD-SNV ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số UBND của các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

- Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định, xác định Chỉ số CCHC năm 2022 (Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022) gồm lãnh đạo các Sở: Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Hội đồng thẩm định là Giám đốc Sở Nội vụ.

- Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC năm 2022 đã thành lập Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định, xác định Chỉ số CCHC năm 2022 (Quyết định số 02/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022) gồm: lãnh đạo và chuyên viên Phòng Cải cách hành chính – Văn thư, lưu trữ và công chức một số phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ, Tổ trưởng là Phó Giám đốc Sở Nội vụ.

### 2. Công tác điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 để tổ chức đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh, đồng thời, sử dụng kết quả điều tra, khảo sát để đánh giá, chấm điểm đối với nội dung điều tra xã hội học theo Bộ chỉ số đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đối tượng khảo sát là các tổ chức và cá nhân có giao dịch thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh trong năm 2022, với quy mô điều tra là **4.960** phiếu khảo sát. Thực hiện Kế hoạch số 130/KH-UBND của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã ký kết hợp đồng với Bưu điện tỉnh để triển khai thực hiện ngay từ tháng 10 năm 2022, đồng thời tổ chức phúc tra, giám sát kết quả thực hiện.

- Để tổ chức điều tra xã hội học phục vụ xác định chỉ số CCHC theo Quyết định số 3241/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 2194/KH-SNV ngày 14 tháng 12 năm 2022 tổ chức triển khai điều tra, khảo sát ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cán bộ, công chức lãnh đạo quản lý của các cơ quan Trung ương đóng trên địa

bàn tỉnh, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã. Tổng số phiếu điều tra xã hội học là **1.050** phiếu.

## Phần 2 KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

### I. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022 CỦA CÁC CƠ QUAN THUỘC UBND TỈNH

#### 1. Chỉ số tổng hợp<sup>1</sup>

*Bảng 1: Kết quả điểm số và Chỉ số CCHC năm 2022 của các cơ quan thuộc UBND tỉnh*

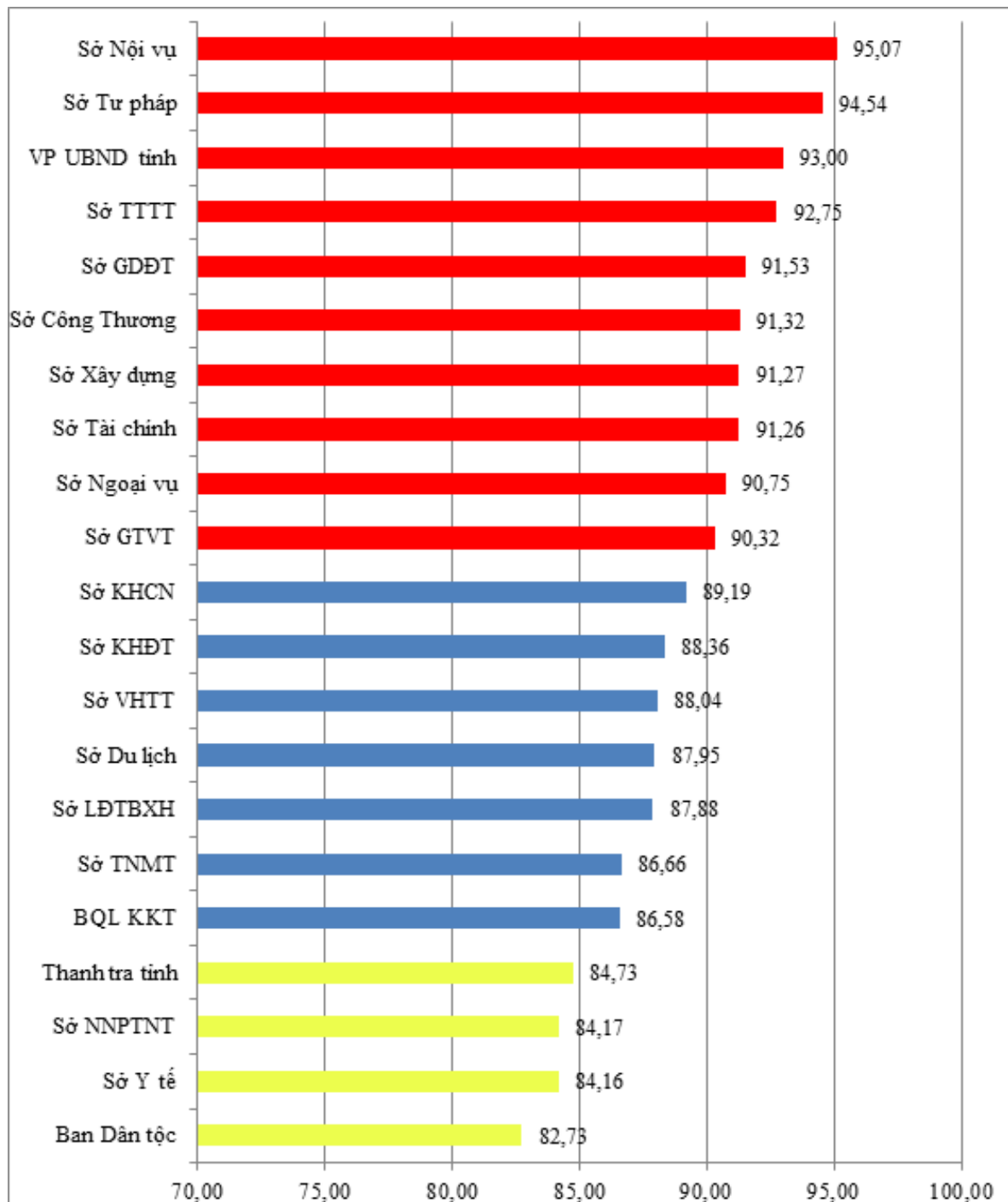
XẾP HẠNG	TÊN CƠ QUAN	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND tỉnh; CBCCVC lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
1	Sở Nội vụ	59,30	6,56	29,21	95,07	<b>95,07%</b>
2	Sở Tư pháp	57,94	5,85	29,80	93,59	<b>94,54%</b>
3	Văn phòng UBND tỉnh	41,50	6,86	-	48,36	<b>93,00%</b>
4	Sở Thông tin và Truyền thông	57,37	5,99	29,39	92,75	<b>92,75%</b>
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	55,66	5,74	29,21	90,61	<b>91,53%</b>
6	Sở Công Thương	56,33	6,01	28,07	90,41	<b>91,32%</b>
7	Sở Xây dựng	57,76	5,89	26,71	90,36	<b>91,27%</b>
8	Sở Tài chính	56,90	6,71	25,82	89,43	<b>91,26%</b>
9	Sở Ngoại vụ	56,00	5,71	-	61,71	<b>90,75%</b>
10	Sở Giao thông vận tải	55,66	5,86	26,72	90,32	<b>90,32%</b>
11	Sở Khoa học và Công nghệ	55,18	5,74	28,27	89,18	<b>89,19%</b>
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	55,91	6,44	25,13	87,48	<b>88,36%</b>
13	Sở Văn hóa và Thể thao	54,34	5,64	28,06	88,04	<b>88,04%</b>
14	Sở Du lịch	53,46	5,64	27,09	86,19	<b>87,95%</b>

<sup>1</sup> Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị được tính như sau:

- Tổng điểm tối đa đạt được của các cơ quan: Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và đầu tư (99 điểm); Sở Tài chính, Sở Du lịch (98 điểm); Sở Ngoại vụ (68 điểm); Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh (52 điểm);

- Không tính điểm đo lường sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh và Sở Ngoại vụ.

XẾP HẠNG	TÊN CƠ QUAN	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND tỉnh; CBCCVV lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
15	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	55,89	5,86	26,13	87,88	<b>87,88%</b>
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	55,33	5,80	25,53	86,66	<b>86,66%</b>
17	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	55,83	5,63	25,12	86,58	<b>86,58%</b>
18	Thanh tra tỉnh	37,97	6,09	-	44,06	<b>84,73%</b>
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	53,74	5,85	24,58	84,17	<b>84,17%</b>
20	Sở Y tế	52,28	5,75	26,13	84,16	<b>84,16%</b>
21	Ban Dân tộc tỉnh	37,38	5,64	-	43,02	<b>82,73%</b>
<b>Giá trị trung bình</b>						<b>89,16%</b>



**Biểu đồ 1: Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 các cơ quan thuộc UBND tỉnh**

Chỉ số tổng hợp CCHC năm 2022 của khối các cơ quan thuộc UBND tỉnh có giá trị trung bình đạt 89,16%, giảm 1,42% so với năm 2021 (chỉ số trung bình năm 2021 đạt 90,58%). Có 11/21 cơ quan có Chỉ số CCHC năm 2022 trên mức giá trị trung bình. Tổng hợp kết quả chỉ số theo 3 nhóm như sau:

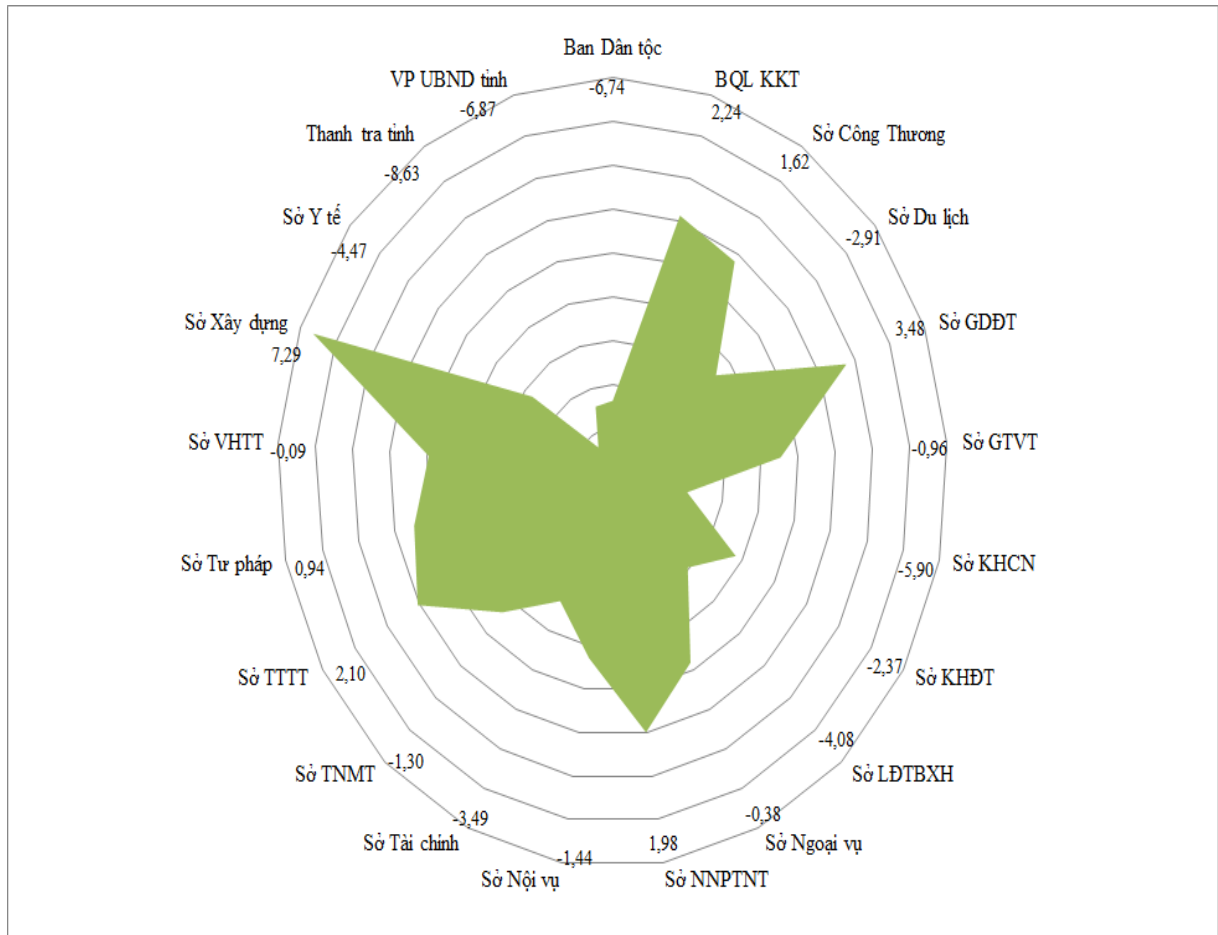
- Nhóm 1 (có kết quả Chỉ số CCHC từ 90% trở lên): có 10 cơ quan là: Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây Dựng, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ và Sở Giao thông vận tải.

Sở Nội vụ là đơn vị dẫn đầu có kết quả chỉ số CCHC là 95,07%.

- Nhóm 2 (có kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 85% đến dưới 90%): Có 07 cơ quan là: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế.

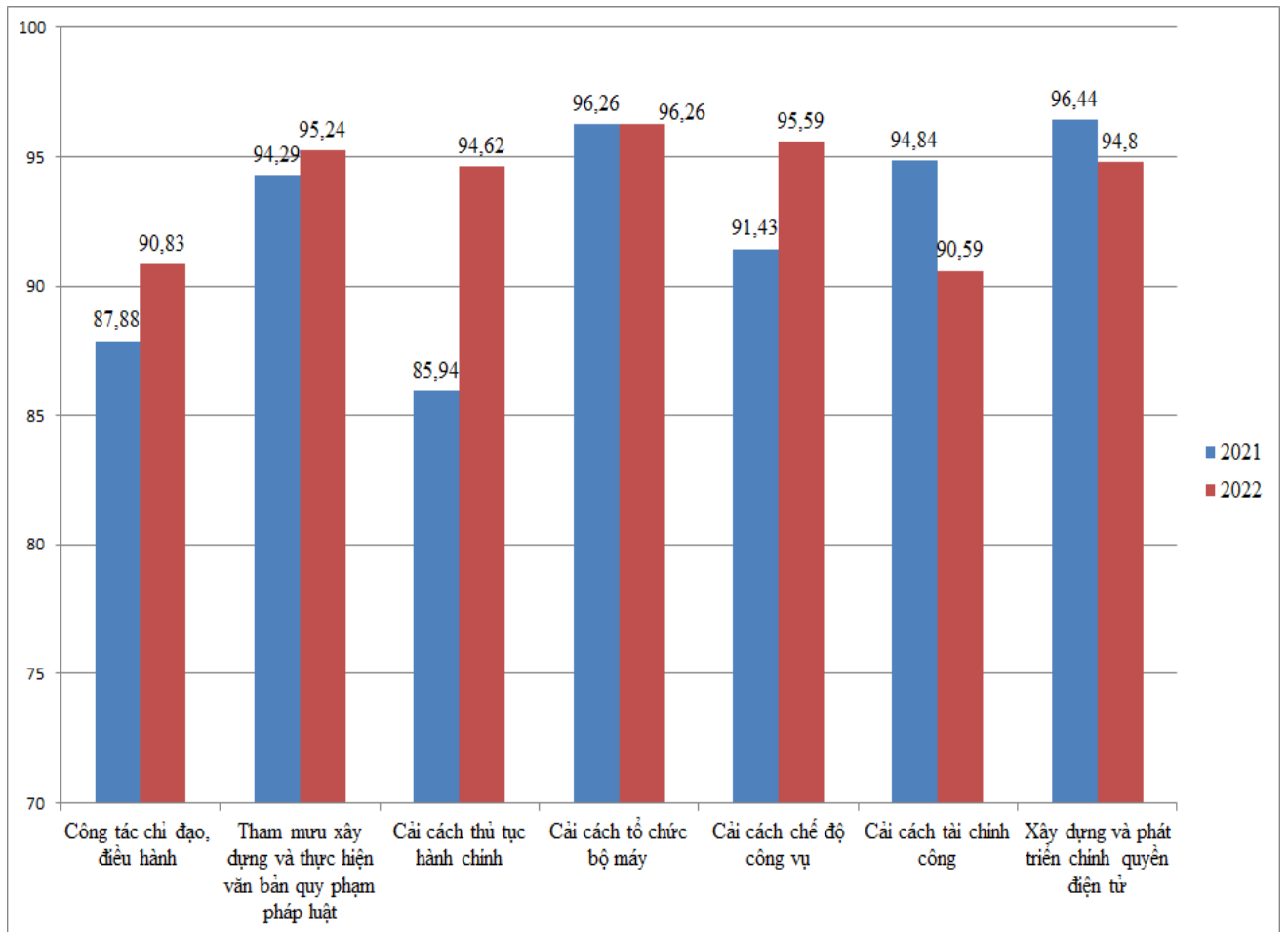
- Nhóm 3 (có kết quả Chỉ số CCHC đạt dưới 85%): Có 04 cơ quan là: Thanh tra tỉnh, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Dân tộc.

Ban Dân tộc là cơ quan xếp vị trí cuối cùng và có chỉ số cải cách hành chính là 82,73%.



**Biểu đồ 2: Mức độ cải thiện chỉ số tổng hợp của các cơ quan năm 2022 so với năm 2021**

Kết quả chỉ số CCHC năm 2022 cho thấy, có 07/21 cơ quan có Chỉ số CCHC tăng cao hơn so với năm 2021, đó là: Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và Sở Tư pháp. Sở Xây dựng có giá trị điểm số tăng cao nhất với giá trị là 7,29 (**Biểu đồ 2**)



**Biểu đồ 3: So sánh các Chỉ số thành phần của các cơ quan năm 2022 và 2021**

So sánh giá trị trung bình của 07 chỉ số thành phần (**biểu đồ 3**) cho thấy, 04/07 chỉ số thành phần có giá trị trung bình cao hơn năm 2021, gồm: Công tác chỉ đạo, điều hành; tham mưu xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; cải cách chế độ công vụ. Có 02/07 chỉ số thành phần có giá trị trung bình giảm so với năm 2021, đó là các chỉ số thành phần: cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử. Có 01 chỉ số thành phần có giá trị trung bình bằng năm 2021 là cải cách tổ chức bộ máy.

## 2. Chỉ số thành phần đánh giá kết quả CCHC theo từng lĩnh vực

### 2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

**Bảng 2: Kết quả chỉ số chỉ đạo, điều hành CCHC của các cơ quan thuộc UBND tỉnh**

TT	Tên cơ quan	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Văn phòng UBND tỉnh	100,00	100,00
2	Sở Tài chính	100,00	100,00
3	Sở Nội vụ	100,00	99,30

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
4	Sở Ngoại vụ	100,00	85,00
5	Sở Tư pháp	99,82	95,00
6	Sở Xây dựng	99,73	60,00
7	Sở Thông tin và Truyền thông	99,55	92,90
8	Sở Khoa học và Công nghệ	95,27	95,00
9	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	94,64	89,00
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	94,45	90,80
11	Sở Giao thông vận tải	94,27	83,20
12	Sở Công Thương	90,91	100,00
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	90,18	87,20
14	Thanh tra tỉnh	86,09	90,00
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	85,36	90,00
16	Sở Văn hóa và Thể thao	84,09	93,00
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	84,09	76,60
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	79,55	88,50
19	Sở Du lịch	76,91	85,00
20	Sở Y tế	76,36	74,20
21	Ban Dân tộc tỉnh	76,18	70,70
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>90,83</b>	<b>87,88</b>

Công tác chỉ đạo điều hành luôn đóng vai trò quan trọng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị. Kết quả Chỉ số CCHC trong những năm gần đây cho thấy, hầu hết các cơ quan, đơn vị có kết quả Chỉ số CCHC dẫn đầu đều đạt điểm cao đối với tiêu chí Công tác chỉ đạo, điều hành, thể hiện sự thay đổi trong nhận thức, nỗ lực quyết tâm hơn của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đối với công tác CCHC. Giá trị trung bình của Chỉ số Công tác chỉ đạo điều hành của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong năm 2022 đạt 90,83%, cao hơn năm 2021 (87,88%) đã chứng minh sự thay đổi tích cực của các cơ quan, địa phương trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC.

Năm 2022, có 12/21 cơ quan có Chỉ số thành phần Công tác chỉ đạo điều hành đạt trên mức trung bình 90,83%; có 04/21 cơ quan có Chỉ số thành phần



đạt tỷ lệ 100%; có 04/21 cơ quan có Chỉ số thành phần dưới 80%. Ban Dân tộc tỉnh có Chỉ số thành phần thấp nhất là 76,18%.

Kết quả nêu trên phù hợp với kết quả kiểm tra, thẩm định thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương, đa phần các đơn vị đã chủ động xây dựng và ban hành Kế hoạch CCHC năm, xác định các nhiệm vụ CCHC sát hợp với nhiệm vụ của đơn vị mình, đã quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện; công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện thường xuyên. Ngoài ra, các đơn vị cũng đã chú trọng đến công tác tự kiểm tra và kiểm tra CCHC tại các đơn vị trực thuộc. Nhìn chung, việc kiểm tra CCHC được thực hiện tương đối nghiêm túc, tỷ lệ đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm bảo đảm theo quy định.

Về việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao: có 06 đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đúng và trước hạn: Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ và Sở Du lịch.

Trong năm 2022, có nhiều sáng kiến và giải pháp hay đã phát huy được hiệu quả trong công tác chuyên môn như: Quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (Sở Nội vụ); thực hiện liên thông nhóm TTHC Cấp phiếu lý lịch tư pháp – Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội); Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định”, Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định” (Văn phòng UBND tỉnh) ...

Bên cạnh đó, kết quả đánh giá cũng cho thấy, công tác tuyên truyền CCHC của các cơ quan chủ yếu là thông qua các Hội nghị của ngành, trên Trang thông tin điện tử, chưa có tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền khác như: Tọa đàm về CCHC, tổ chức Hội thi CCHC ...; công tác thi đua khen thưởng CCHC tại một số cơ quan chưa thực sự quan tâm.

## **2.2. Tham mưu xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**

**Bảng 3:** Kết quả chỉ số tham mưu xây dựng và thực hiện VBQPPL của các cơ quan thuộc UBND tỉnh

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
1	Sở Tài chính	100,00	100,00
2	Sở Thông tin và Truyền thông	100,00	100,00
3	Văn phòng UBND tỉnh	100,00	100,00
4	Sở Nội vụ	100,00	100,00

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
5	Sở Tư pháp	100,00	100,00
6	Sở Ngoại vụ	100,00	100,00
7	Sở Khoa học và Công nghệ	100,00	100,00
8	Sở Du lịch	100,00	100,00
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100,00	100,00
10	Sở Giao thông vận tải	100,00	100,00
11	Sở Công Thương	100,00	80,00
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	100,00	80,00
13	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	100,00	80,00
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	100,00	60,00
15	Thanh tra tỉnh	87,50	100,00
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	87,50	100,00
17	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	87,50	100,00
18	Sở Văn hóa và Thể thao	87,50	100,00
19	Ban Dân tộc tỉnh	87,50	100,00
20	Sở Xây dựng	87,50	80,00
21	Sở Y tế	75,00	100,00
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>95,24</b>	<b>94,29</b>

Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần Tham mưu xây dựng và thực hiện VBQPPL của các cơ quan thuộc UBND tỉnh trong năm 2022 đạt 95,24%, cao hơn năm 2021 (đạt 94,29 %), trong đó có 14/21 đơn vị đạt tỷ lệ 100%. Điều đó cho thấy nhiều cơ quan đã thực hiện tốt nội dung tham mưu xây dựng và ban hành VBQPPL, thực hiện tốt công tác phổ biến giáo dục pháp luật và báo cáo hàng năm về rà soát, hệ thống hóa VBQPPL. Sở Y tế có Chỉ số thành phần thấp nhất là 75,00%.

Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ quan chưa kịp thời xây dựng Kế hoạch hoặc báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng thời gian quy định như: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh, Sở Y tế và Ban Dân tộc tỉnh

### 2.3. Cải cách thủ tục hành chính<sup>2</sup>

**Bảng 4: Kết quả chỉ số cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan thuộc UBND tỉnh**

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
1	Sở Công Thương	100,00	100,00
2	Sở Nội vụ	100,00	99,88
3	Sở Du lịch	100,00	94,44
4	Sở Giao thông vận tải	100,00	94,44
5	Sở Văn hóa và Thể thao	100,00	85,00
6	Sở Ngoại vụ	100,00	83,33
7	Sở Xây dựng	100,00	72,22
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	99,91	66,66
9	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	99,91	64,90
10	Sở Thông tin và Truyền thông	99,73	82,66
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	99,09	85,88
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	95,36	82,77
13	Sở Tài chính	90,91	100,00
14	Sở Tư pháp	90,91	95,00
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	86,36	95,00
16	Sở Khoa học và Công nghệ	86,36	94,44
17	Sở Y tế	77,27	100,00
18	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	77,27	72,11
19	Văn phòng UBND tỉnh	-	-
20	Ban Dân tộc tỉnh	-	100,00
21	Thanh tra tỉnh	-	50,00
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>94,62</b>	<b>85,94</b>

<sup>2</sup> Không tính điểm nội dung này đối với các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh, Thanh tra tỉnh.

Trong năm 2022, các cơ quan đã có sự chuyển biến tích cực trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ về kiểm soát TTHC và rà soát, đơn giản hóa TTHC; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã chủ động đăng ký bổ sung, rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. Bên cạnh đó, các cơ quan thường xuyên rà soát, xây dựng và cập nhật quy trình nội bộ, quy trình liên thông để thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC

Theo kết quả thẩm định, Chỉ số thành phần cải cách TTHC của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có giá trị trung bình đạt 94,62% cao hơn năm 2021 (85,94%); trong đó có 07/18 cơ quan đạt tỷ lệ 100%. Có 06/18 cơ quan có Chỉ số thành phần thấp hơn giá trị trung bình của 18 cơ quan, điều này cho thấy, một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự quan tâm đến công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC; không kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC và danh mục TTHC theo quy định<sup>3</sup>;

Các cơ quan đều bố trí công chức đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện tốt việc giải quyết TTHC, đa phần các hồ sơ được giải quyết đúng hạn và sớm hạn với tỷ lệ cao<sup>4</sup>.

#### 2.4. Cải cách tổ chức bộ máy

*Bảng 5: Kết quả điểm số và chỉ số cải cách tổ chức bộ máy của các cơ quan thuộc UBND tỉnh*

TT	Tên cơ quan	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Sở Tài chính	100,00	100,00
2	Sở Thông tin và Truyền thông	100,00	100,00
3	Sở Công Thương	100,00	100,00
4	Thanh tra tỉnh	100,00	100,00
5	Sở Xây dựng	100,00	100,00
6	Sở Nội vụ	100,00	100,00
7	Sở Tư pháp	100,00	100,00
8	Sở Y tế	100,00	100,00
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	100,00	100,00
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	100,00	100,00

<sup>3</sup> Sở Tư pháp, Sở Lao động, thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Y tế

<sup>4</sup> Các cơ quan có hồ sơ trễ hạn: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
11	Ban Dân tộc tỉnh	100,00	100,00
12	Văn phòng UBND tỉnh	100,00	100,00
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	100,00	92,85
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	100,00	85,71
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	100,00	85,71
16	Sở Giao thông vận tải	92,86	85,71
17	Sở Du lịch	92,86	85,71
18	Sở Khoa học và Công nghệ	85,71	100,00
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	85,71	100,00
20	Sở Văn hóa và Thể thao	85,71	85,71
21	Sở Ngoại vụ	78,57	100,00
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>96,26</b>	<b>96,26</b>

Năm 2022, giá trị trung bình của Chỉ số thành phần về cải cách tổ chức bộ máy đạt 96,26%, bằng với năm 2021. Có 15/21 cơ quan đạt tỷ lệ 100% ở chỉ số này. Có 06/21 cơ quan có Chỉ số thành phần thấp hơn giá trị trung bình.

Kết quả đánh giá cũng cho thấy, vẫn còn một số cơ quan chưa thực hiện nghiêm túc quy định về số lượng cấp phó phòng chuyên môn như: Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Khoa học và Công nghệ<sup>5</sup>. Một số cơ quan thực hiện chế độ thông tin báo cáo về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế chưa đảm bảo về thời gian và nội dung như: Sở Ngoại vụ, Sở Giao thông vận tải, Sở Du lịch. Sở Ngoại vụ có Chỉ số thành phần thấp nhất với kết quả là 78,57%.

## **2.5. Cải cách chế độ công vụ**

**Bảng 6: Kết quả chỉ số cải cách chế độ công vụ của các cơ quan thuộc UBND tỉnh**

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
1	Sở Nội vụ	100,00	100,00

<sup>5</sup> Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phòng Đăng ký kinh doanh có 02 cấp phó/07 biên chế.

Sở Ngoại vụ, Sở Khoa học và Công nghệ: Thanh tra Sở có số lượng lãnh đạo quản lý nhiều hơn số chuyên viên.

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
2	Sở Khoa học và Công nghệ	100,00	100,00
3	Sở Xây dựng	100,00	100,00
4	Sở Tài chính	100,00	95,00
5	Sở Ngoại vụ	100,00	80,00
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	99,78	95,00
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	99,78	95,00
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	99,67	85,00
9	Sở Tư pháp	99,56	95,00
10	Sở Giao thông vận tải	99,11	95,00
11	Văn phòng UBND tỉnh	94,44	100,00
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	94,44	100,00
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	94,44	95,00
14	Sở Công Thương	94,44	90,00
15	Sở Du lịch	94,44	85,00
16	Sở Văn hóa và Thể thao	94,33	85,00
17	Sở Y tế	94,22	75,00
18	Thanh tra tỉnh	88,89	90,00
19	Ban Dân tộc tỉnh	88,89	90,00
20	Sở Thông tin và Truyền thông	88,33	85,00
21	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	82,56	85,00
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>95,59</b>	<b>91,43</b>

Theo kết quả đánh giá, Chỉ số thành phần cải cách chế độ công vụ có giá trị trung bình đạt 95,59%, cao hơn năm 2021 (đạt 91,43%). Có 05 cơ quan, đơn vị đạt điểm tối đa (100%) ở chỉ số này gồm: Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Tài chính và Sở Ngoại vụ. Có 10/21 cơ quan có kết quả điểm số trên giá trị trung bình. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có Chỉ số thành phần thấp nhất với kết quả là 82,56%.

Kết quả Chỉ số thành phần cho thấy, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực tại cơ

quan; công chức, viên chức được bố trí công tác đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt; việc thực hiện tuyển dụng viên chức, ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc đảm bảo theo quy định; ban hành kế hoạch đánh giá, phân loại CBCCVN và hoàn thành đánh giá đúng thời gian; Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVN được các cơ quan chú trọng hơn trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện hoàn thành 100% nội dung theo kế hoạch.

Hầu hết việc thực hiện Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 11/10/2016 về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại các cấp, các ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã được các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc.

Trong năm 2022, có 09/21 cơ quan chưa kịp thời rà soát, điều chỉnh trình UBND tỉnh điều chỉnh Đề án vị trí việc làm công chức sau khi ban hành mới quy định chức năng nhiệm vụ<sup>6</sup>; có 03/21 đơn vị không ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác CBCCVN của đơn vị hoặc chưa thực hiện đầy đủ việc chuyển đổi vị trí công tác theo Kế hoạch đã đề ra gồm: Sở Thông tin và Truyền thông; Ban Dân tộc và Thanh tra tỉnh.

## 2.6. Cải cách tài chính công<sup>7</sup>

**Bảng 7: Kết quả chỉ số cải cách tài chính công của các cơ quan thuộc UBND tỉnh**

TT	Tên cơ quan	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Thanh tra tỉnh	100,00	100,00
2	Sở Tư pháp	100,00	100,00
3	Ban Dân tộc tỉnh	100,00	100,00
4	Văn phòng UBND tỉnh	100,00	100,00
5	Sở Du lịch	100,00	100,00
6	Sở Xây dựng	100,00	91,66
7	Sở Tài chính	98,00	100,00
8	Sở Giao thông vận tải	96,67	100,00
9	Sở Ngoại vụ	96,00	100,00

<sup>6</sup> 09 cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Y tế và Ban Dân tộc.

<sup>7</sup> Tổng điểm tối đa đạt được là 05 điểm đối với 06 cơ quan (Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư) và 4 điểm đối với 04 cơ quan (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Du lịch, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc)

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	91,67	91,66
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	90,00	100,00
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88,33	91,66
13	Sở Nội vụ	88,33	91,66
14	Sở Văn hóa và Thể thao	85,00	83,33
15	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	83,33	91,66
16	Sở Thông tin và Truyền thông	83,33	91,66
17	Sở Y tế	81,67	91,66
18	Sở Khoa học và Công nghệ	81,67	91,66
19	Sở Công Thương	80,00	91,66
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	80,00	91,66
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	78,33	91,66
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>90,59</b>	<b>94,84</b>

Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần cải cách tài chính công đạt 90,59%, thấp hơn năm 2021 (đạt 94,84%). Có 10/21 cơ quan có kết quả điểm số trên giá trị trung bình. Sở Tài nguyên và Môi trường có Chỉ số thành phần thấp nhất với kết quả là 78,33%.

Điều đó cho thấy, các cơ quan đã có cố gắng nỗ lực, cố gắng của các cơ quan trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách tài chính công, việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đã đi vào nề nếp và ổn định; các cơ quan đã kịp thời tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền; việc xây dựng các báo cáo dự toán, cấp hành, quyết toán đảm bảo theo quy định.

Tuy nhiên, đây là một trong hai Chỉ số thành phần có giá trị trung bình giảm hơn so với năm 2021. Có 11/14 cơ quan không đạt điểm đối với tiêu chí có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tự đảm bảo toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên tăng so với giai đoạn trước liền kề. Hầu hết, các cơ quan không giải ngân hết số tiền ngân sách nhà nước giao phải giải ngân theo kế hoạch (13/14 cơ quan).



## 2.7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử<sup>8</sup>

**Bảng 8:** Kết quả chỉ số xây dựng và phát triển chính quyền điện tử của các cơ quan thuộc UBND tỉnh

TT	Tên cơ quan	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Văn phòng UBND tỉnh	100,00	100,00
2	Sở Nội vụ	100,00	100,00
3	Sở Y tế	100,00	99,83
4	Sở Tư pháp	100,00	98,83
5	Sở Tài chính	100,00	97,36
6	Sở Công Thương	98,58	97,00
7	Sở Ngoại vụ	97,27	97,25
8	Sở Thông tin và Truyền thông	95,83	100,00
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	95,83	99,25
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	95,83	91,66
11	Sở Khoa học và Công nghệ	94,17	99,41
12	Sở Xây dựng	94,08	89,16
13	Sở Giao thông vận tải	92,92	100,00
14	Ban Dân tộc tỉnh	92,86	90,00
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	91,67	99,25
16	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	91,67	98,08
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	91,67	94,33
18	Sở Văn hóa và Thể thao	91,67	92,66
19	Sở Du lịch	91,67	91,41
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	89,33	99,75
21	Thanh tra tỉnh	85,71	90,00
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>94,80</b>	<b>96,44</b>

<sup>8</sup> Tổng điểm tối đa đạt được là 07 điểm đối với 03 cơ quan (Văn phòng UBND tỉnh, Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh) và 11 điểm đối với 02 cơ quan (Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ)

Kết quả Chỉ số Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh có giá trị trung bình đạt 94,80%, thấp hơn năm 2021 (đạt 96,44%). Có 05 đơn vị có kết quả tuyệt đối (đạt 100%): Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Tài chính. Có 10/21 cơ quan có kết quả điểm số trên giá trị trung bình. Thanh tra tỉnh có Chỉ số thành phần thấp nhất với kết quả là 85,71%.

Phân tích từng tiêu chí thành phần cho thấy, các cơ quan đạt 100% số điểm tại các tiêu chí: “Ban hành đầy đủ các kế hoạch, quy định, quy chế triển khai chính quyền điện tử”, “Cung cấp các loại thông tin trên trang thông tin điện tử”, “Xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm chuyên ngành”, “Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần”

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đã được các cơ quan, đơn vị thường xuyên duy trì cải tiến theo đúng quy định; Việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đối với TTHC tiếp tục được quan tâm thực hiện và có phát sinh giao dịch.

Đây là một trong hai Chỉ số thành phần có giá trị trung bình giảm hơn so với năm 2021. Có 03/21 cơ quan có tỷ lệ văn bản được trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử chưa đạt theo yêu cầu (95% trở lên): Sở Du lịch, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Có 09/21 cơ quan có tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập xử lý dưới dạng điện tử chưa đạt 40%.

### 3. Chỉ số đánh giá tác động của CCHC - Điều tra xã hội học

#### 3.1. Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan thuộc UBND tỉnh<sup>9</sup>

*Bảng 9: Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh*

TT	Tên cơ quan	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Sở Tư pháp	99,33	86,08
2	Sở Thông tin và Truyền thông	97,98	84,48
3	Sở Nội vụ	97,38	90,66
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	97,37	79,79
5	Sở Khoa học và Công nghệ	94,22	90,92
6	Sở Công thương	93,59	77,26
7	Sở Văn hóa và Thể thao	93,53	84,91

<sup>9</sup> Không tính điểm đối với chỉ số thành phần về mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với 04 cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc tỉnh và Thanh tra tỉnh

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
8	Sở Du lịch	90,30	91,86
9	Sở Giao thông vận tải	89,06	85,62
10	Sở Xây dựng	89,03	79,55
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	87,10	89,79
12	Sở Y tế	87,09	82,52
13	Sở Tài chính	86,06	86,06
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	85,10	82,58
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	83,77	80,32
16	Ban Quản lý khu kinh tế	83,73	80,41
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	81,93	71,10
18	Văn phòng UBND tỉnh	-	-
19	Thanh tra tỉnh	-	-
20	Sở Ngoại vụ	-	-
21	Ban Dân tộc tỉnh	-	-
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>90.38</b>	<b>83.76</b>

**Bảng 10:** Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan thuộc UBND tỉnh theo các nội dung đánh giá

<b>TT</b>	<b>Nhóm tiêu chí đánh giá</b>	<b>Tỷ lệ hài lòng (%)</b>	
		<b>2022</b>	<b>2021</b>
1	Tiếp cận dịch vụ	-	84,26
2	Thủ tục hành chính	89,93	77,43
3	Sự phục vụ của công chức, viên chức	91,93	77,58
4	Kết quả dịch vụ	92,88	89,29

5	Tiếp nhận và xử lý các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị	86,79	90,22
---	--	-------	-------

Kết quả đo lường sự hài lòng đối với 17 cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh giá trị trung bình năm 2022 đạt tỷ lệ 90.38%, cao hơn kết quả khảo sát của năm 2021 (đạt 83.76%). Năm 2022 có 7/17 cơ quan đạt chỉ số hài lòng cao hơn giá trị trung bình (giảm 02 cơ quan so với năm 2021). Chỉ số đo lường sự hài lòng năm 2022 có sự chuyển biến rõ rệt về vị thứ xếp hạng của các cơ quan, trong số ba cơ quan đứng đầu bảng năm 2022, có Sở Tư pháp tăng hạng với chỉ số hài lòng cao nhất 99.33% (năm 2021 đứng vị trí thứ 5), tiếp đến là tăng hạng của Sở Thông tin và Truyền thông (năm 2021 đứng vị trí thứ 9) và Sở Nội vụ ổn định ở vị trí 3 với 97.38%. Đứng cuối bảng, không có sự thay đổi về vị thứ xếp hạng là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với chỉ số hài lòng 81.93%, khoảng cách so với giá trị trung bình là 8.45%.

### **3.2 Chỉ số đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh, CBCCVC lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương**

**Bảng 11: Kết quả khảo sát Đại biểu HĐND tỉnh, CBCCVC lãnh đạo, quản lý đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh**

TT	Tên cơ quan	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Văn phòng UBND tỉnh	68,60	99,30
2	Sở Tài chính	67,10	98,80
3	Sở Nội vụ	65,60	99,20
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	64,40	97,40
5	Thanh tra tỉnh	60,90	95,50
6	Sở Công Thương	60,10	94,80
7	Sở Thông tin và Truyền thông	59,90	96,70
8	Sở Xây dựng	58,90	95,70
9	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	58,60	94,40
10	Sở Giao thông vận tải	58,60	93,60
11	Sở Tư pháp	58,50	94,20
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	58,50	94,20

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	58,00	94,10
14	Sở Y tế	57,50	94,70
15	Sở Khoa học và Công nghệ	57,40	94,30
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	57,40	93,20
17	Sở Ngoại vụ	57,10	93,00
18	Sở Văn hóa và Thể thao	56,40	92,40
19	Sở Du lịch	56,40	90,10
20	Ban Dân tộc tỉnh	56,40	88,90
21	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	56,30	90,60
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>59,69</b>	<b>94,53</b>

Chỉ số khảo sát, đánh giá của Đại biểu HĐND tỉnh, CBCCVC lãnh đạo, quản lý đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh năm 2022 đạt 59,69% thấp hơn kết quả khảo sát năm 2021 (đạt 94,53%). Có 07/21 cơ quan có kết quả điểm số trên giá trị trung bình. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh có Chỉ số thành phần thấp nhất với kết quả là 56,30%.

Điều đó cho thấy, theo đánh giá của Đại biểu HĐND tỉnh, CBCCVC lãnh đạo, quản lý thì công tác CCHC của các cơ quan mặc dù đã có sự chuyển biến ngày càng tốt hơn. Tuy nhiên, các cơ quan cần tiếp tục quan tâm, quyết liệt hơn nữa trong công tác CCHC tại đơn vị như: Đơn giản hóa TTHC; rút ngắn thời gian giải quyết công việc; tinh thần phục vụ, thái độ giao tiếp, việc tiếp nhận và xử lý công việc của công chức, viên chức; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền thuộc ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

#### **4. Điểm thưởng – Điểm trừ**

##### **4.1. Điểm thưởng**

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan được cộng 01 điểm thưởng. Theo kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021, tổng số điểm PCI tỉnh Bình Định đạt được là 68,32 (tăng 5,14 điểm so với năm 2020), xếp thứ 11 (thuộc nhóm Tốt), tăng 26 bậc so với năm 2020 (xếp thứ 37), đây là sự cố gắng, nỗ lực của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số PCI. Bên cạnh đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh cải cách giảm thời gian thực hiện các thủ tục về đầu tư với tổng thời gian giảm là 07 ngày (từ 32 ngày xuống còn 25 ngày) so với quy định của Luật Đầu tư năm 2020. Đây là

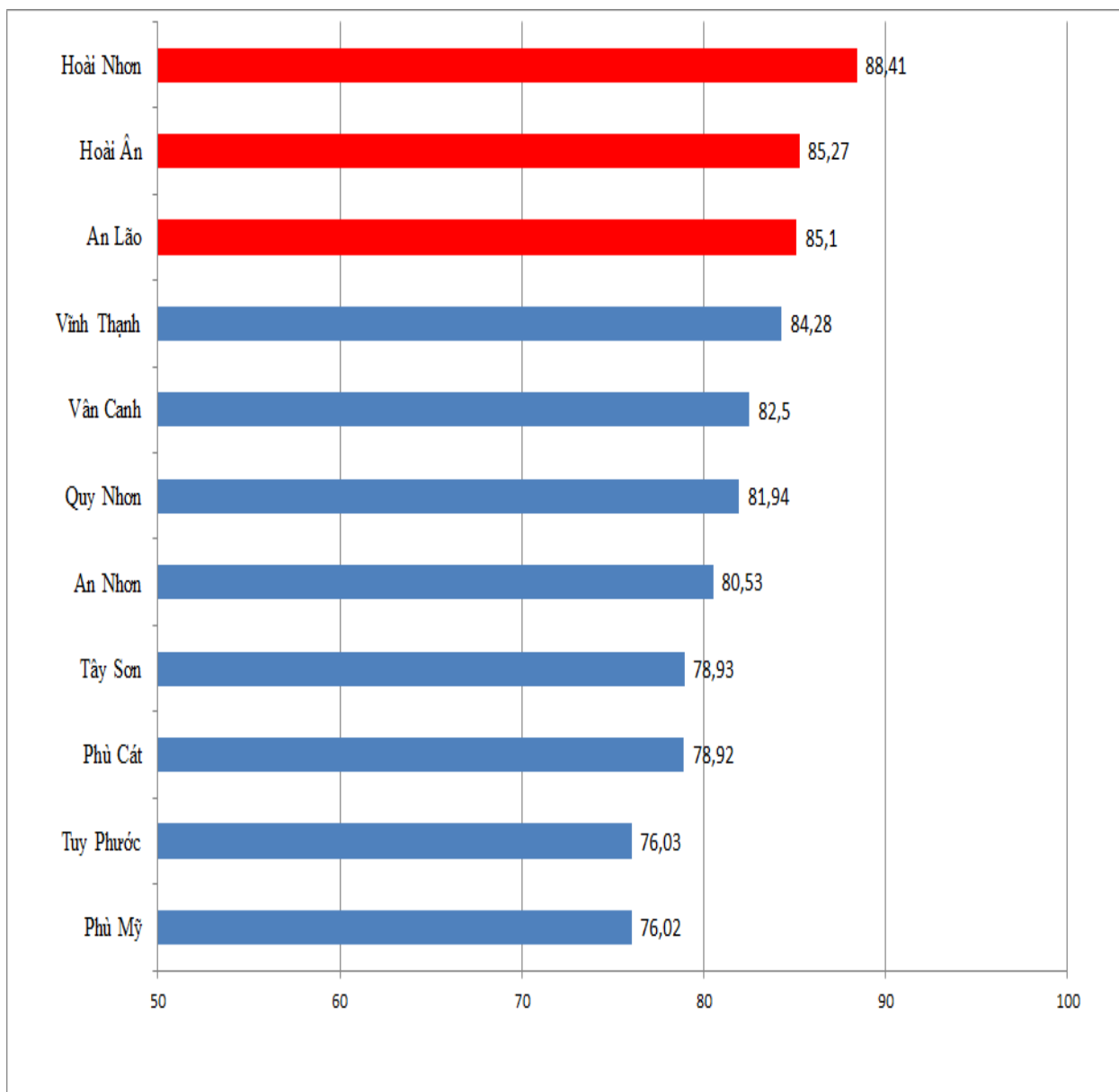
bước đột phá để giảm chi phí thời gian cho các doanh nghiệp đăng ký đầu tư đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư biểu dương, khen thưởng.

## II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022 CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

### 1. Chỉ số tổng hợp

*Bảng 12: Kết quả điểm số và Chỉ số CCHC năm 2022 của UBND các huyện, thị xã, thành phố*

XẾP HẠNG	UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát DB HĐND; CBCCVC lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
1	Hoài Nhơn	55,46	6,67	26,28	88,41	<b>88,41%</b>
2	Hoài Ân	53,53	6,39	25,35	85,27	<b>85,27%</b>
3	An Lão	51,66	5,99	27,45	85,10	<b>85,10%</b>
4	Vĩnh Thạnh	51,79	6,00	28,49	84,28	<b>84,28%</b>
5	Vân Canh	48,93	5,27	28,30	82,50	<b>82,50%</b>
6	Quy Nhơn	51,30	6,50	24,14	81,94	<b>81,94%</b>
7	An Nhơn	48,54	7,26	24,73	80,53	<b>80,53%</b>
8	Tây Sơn	46,91	5,60	26,42	78,93	<b>78,93%</b>
9	Phù Cát	46,95	5,88	26,09	78,92	<b>78,92%</b>
10	Tuy Phước	46,78	5,82	23,43	76,03	<b>76,03%</b>
11	Phù Mỹ	43,87	6,10	26,05	76,02	<b>76,02%</b>
<b>Giá trị trung bình</b>						<b>81,63%</b>



***Biểu đồ 4: Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 các địa phương***

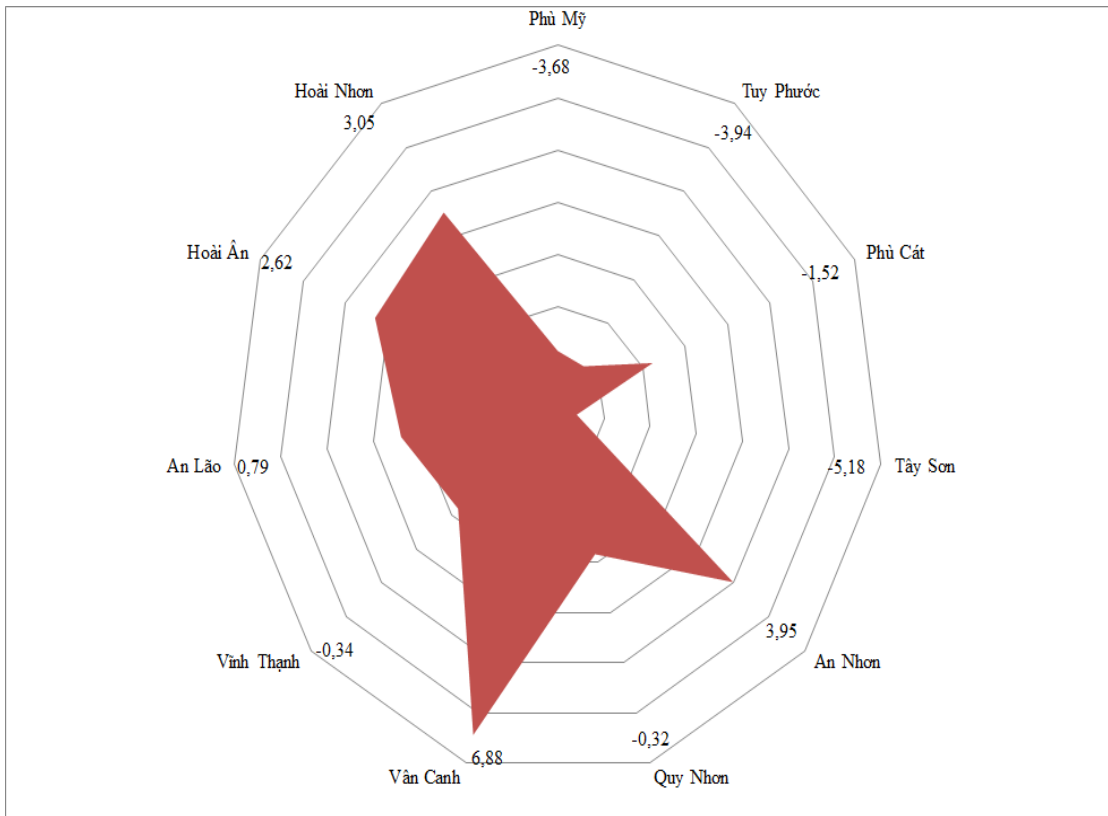
Chỉ số tổng hợp CCHC năm 2022 của khối UBND các huyện, thị xã, thành phố có giá trị trung bình đạt 81,63%, tăng 0,21% so với năm 2021 (chỉ số trung bình năm 2021 đạt 81,42%). Kết quả chỉ số CCHC được chia thành 02 nhóm (không có nhóm 1 đạt từ 90% trở lên):

- Nhóm 2 (có kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 85% đến dưới 90%): Có 03 địa phương là: Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão.

Hoài Nhơn là địa phương dẫn đầu có kết quả chỉ số cải cách hành chính là 88,41%.

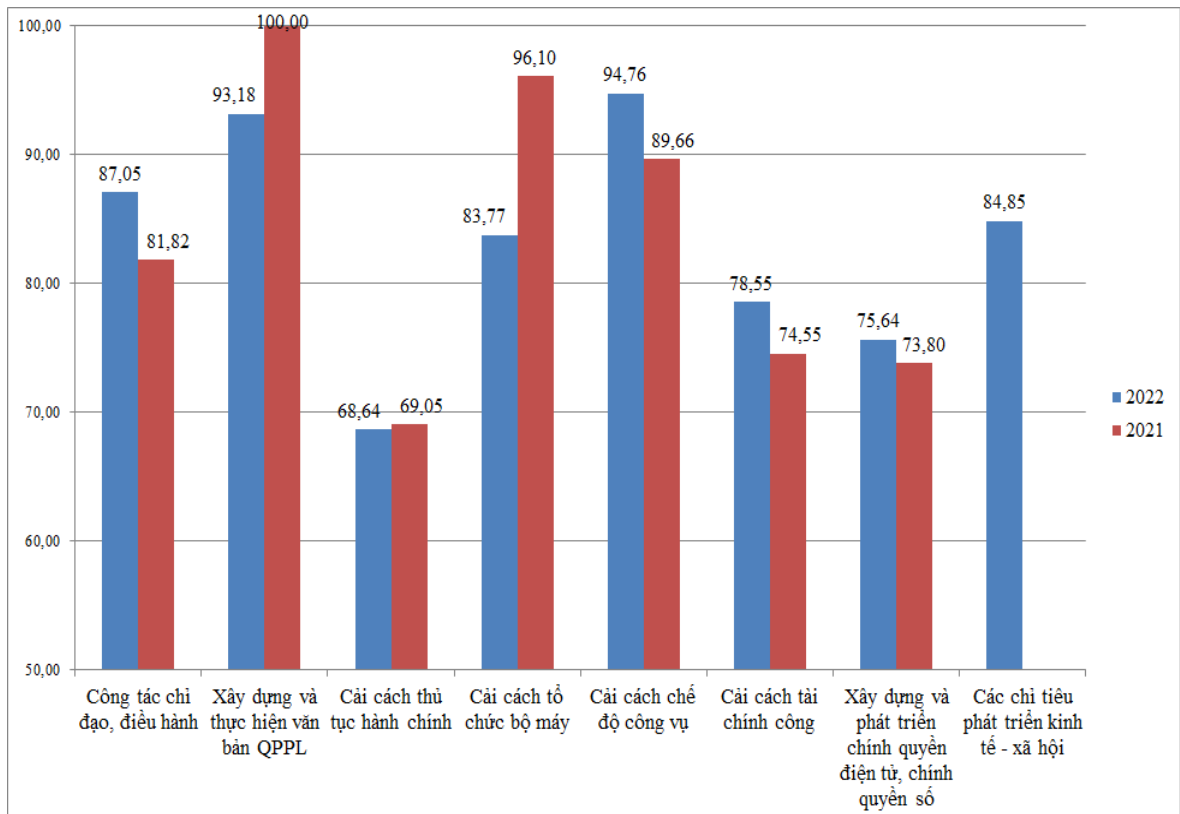
- Nhóm 3 (có kết quả Chỉ số CCHC đạt dưới 85%): Có 08 địa phương là: Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Quy Nhơn, An Nhơn, Tây Sơn, Phù Cát, Tuy Phước, Phù Mỹ.

Phù Mỹ là địa phương xếp vị trí cuối cùng và có chỉ số CCHC là 76,02%.



**Biểu đồ 5: Mức độ cải thiện chỉ số tổng hợp của các địa phương năm 2022 so với năm 2021**

Kết quả chỉ số CCHC năm 2022 cho thấy, có 05/11 địa phương có Chỉ số CCHC tăng cao hơn so với năm 2021, đó là: Vân Canh, An Nhơn, Hoài Nhơn, Hoài Ân và An Lão. Vân Canh có giá trị điểm số tăng cao nhất với giá trị là 6,88 điểm (**Biểu đồ 5**)





**Biểu đồ 6: So sánh các Chỉ số thành phần của các địa phương năm 2022 và 2021**

So sánh giá trị trung bình của 08 chỉ số thành phần (**biểu đồ 6**) cho thấy, 04/07 chỉ số thành phần có giá trị trung bình cao hơn năm 2021, gồm: Công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Có 02/07 chỉ số thành phần có giá trị trung bình giảm so với năm 2021, đó là các Chỉ số thành phần: Xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính. Có 01 chỉ số thành phần mới so với năm 2021 là các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Điều này cho thấy, công tác CCHC trong thời gian qua đã được các địa phương quan tâm hơn trong công tác chỉ đạo điều hành, triển khai một cách toàn diện, đồng bộ và hiệu quả trên các lĩnh vực.

**2. Chỉ số thành phần đánh giá kết quả CCHC theo từng lĩnh vực**

**2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**

**Bảng 13: Kết quả chỉ số chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND các huyện, thị xã, thành phố**

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Quy Nhơn	94,00	83,50
2	Hoài Nhơn	93,70	90,00
3	An Lão	93,40	92,50
4	Hoài Ân	93,40	82,10
5	Vân Canh	89,80	64,60
6	Vĩnh Thạnh	89,00	87,00
7	An Nhơn	83,60	75,80
8	Tuy Phước	82,00	72,00
9	Phù Cát	80,30	77,50
10	Phù Mỹ	79,20	82,50
11	Tây Sơn	79,10	92,50
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>87,05</b>	<b>81,82</b>

Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo điều hành của các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 đạt 87,05% cao hơn năm 2021 (81,82%), trong đó có 04 địa phương có giá trị trung bình đạt từ 90% là Quy Nhơn, Hoài Nhơn, An Lão, Hoài Ân. Có 06/11 địa phương đạt kết quả cao hơn giá trị trung

binh. Tây Sơn là địa phương có Chỉ số thành phần về công tác chỉ đạo điều hành CCHC thấp nhất (đạt 79,10%).

Phân tích kết quả các tiêu chí Chỉ số thành phần Công tác chỉ đạo điều hành CCHC cho thấy: Năm 2022, có 10/11 địa phương có sáng kiến hoặc giải pháp cải cách hành chính mới, hiệu quả được triển khai, áp dụng tại địa phương mình (Tây Sơn không đạt điểm nội dung này). Hầu hết các địa phương đều tổ chức tốt công tác thông tin tuyên truyền CCHC thông qua các Hội nghị, tập huấn chuyên đề, trên các phương tiện thông tin đại chúng; một số địa phương đã tổ chức tọa đàm, Hội thi tuyên truyền về CCHC, qua đó vừa có tác dụng tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các đối tượng, đồng thời khuyến khích sự nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, sáng kiến hay về CCHC tại địa phương mình (Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão, Vân Canh, Quy Nhơn, Tây Sơn). Đa số các địa phương thực hiện tốt chế độ báo cáo CCHC với 10/11 địa phương đạt điểm tối đa (Phù Cát không đạt điểm nội dung này). Có 8/11 địa phương thực hiện tốt công tác kiểm tra CCHC, vừa đảm bảo tỷ lệ các cơ quan được kiểm tra theo quy định và tích cực chỉ đạo, đơn đốc các đơn vị được kiểm tra hoàn thành việc khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra (Vân Canh, An Nhơn, Phù Mỹ là 03 địa phương chưa thể rõ kết quả khắc phục sau kiểm tra CCHC).

Tuy nhiên, qua kiểm tra cho thấy công tác ban hành Kế hoạch CCHC hàng năm tại nhiều đơn vị cấp xã chưa đảm bảo về nội dung, còn mang tính hình thức, một số nhiệm vụ CCHC không phù hợp đối với cấp xã. 11/11 địa phương chưa hoàn thành Kế hoạch CCHC của địa phương mình; 11/11 địa phương hoàn thành các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao, Chủ tịch UBND tỉnh giao chưa đảm bảo về thời gian. Có 07/11 địa phương kịp thời tổ chức biểu dương, khen thưởng trong công tác cải cách hành chính

## **2.2. Xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**

**Bảng 14: Kết quả chỉ số xây dựng và thực hiện VBQPPL của UBND các huyện, thị xã, thành phố**

<b>TT</b>	<b>UBND các huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
1	Hoài Nhơn	100,00	100,00
2	An Lão	100,00	100,00
3	Phù Mỹ	100,00	100,00
4	Vân Canh	100,00	100,00
5	Tây Sơn	100,00	100,00
6	Tuy Phước	87,50	100,00
7	Quy Nhơn	87,50	100,00
8	Vĩnh Thạnh	87,50	100,00

<b>TT</b>	<b>UBND các huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
9	Hoài Ân	87,50	100,00
10	An Nhơn	87,50	100,00
11	Phù Cát	87,50	100,00
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>93,18</b>	<b>100,00</b>

Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần xây dựng và thực hiện VBQPPL năm 2022 đạt 93,18%, thấp hơn so với năm 2021 (đạt 100%); có 05/11 địa phương đạt chỉ số tối đa (100%). Kết quả này cho thấy các địa phương đã thực hiện nghiêm các quy định về ban hành VBQPPL; thực hiện đầy đủ quy trình xây dựng VBQPPL và chú trọng đến công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL do địa phương ban hành.

Đây là một trong hai Chỉ số thành phần có giá trị trung bình giảm hơn so với năm 2021. Qua kiểm tra công tác CCHC năm 2022 tại các đơn vị cấp xã cho thấy công tác ban hành VBQPPL tại nhiều đơn vị cấp xã chưa đảm bảo về hình thức, căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành.

### **2.3. Cải cách thủ tục hành chính**

**Bảng 15: Kết quả chỉ số cải cách thủ tục hành chính của UBND các huyện, thị xã, thành phố**

<b>TT</b>	<b>UBND các huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
1	An Lão	90,00	69,90
2	Vĩnh Thạnh	79,90	74,70
3	Hoài Nhơn	79,90	69,60
4	Vân Canh	74,90	68,10
5	Hoài Ân	72,80	89,70
6	Tuy Phước	67,00	64,60
7	Phù Cát	59,90	69,70
8	An Nhơn	59,90	64,80
9	Tây Sơn	59,90	64,70
10	Phù Mỹ	55,90	64,10
11	Quy Nhơn	54,90	59,60
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>68,64</b>	<b>69,05</b>

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần cải cách TTHC đạt 68,64%, thấp

hơn năm 2021 (69,05%). An Lão là địa phương có Chỉ số thành phần cao nhất, đạt 90%. Có 05/11 địa phương có kết quả Chỉ số thành phần cao hơn giá trị trung bình chung của. Quy Nhơn là địa phương đạt kết quả thấp nhất (đạt 54,90%).

Qua theo dõi, có 06/11 địa phương có đăng ký rà soát TTHC hoặc kiến nghị đơn giản hóa TTHC; chỉ có An Lão đề xuất với UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa TTHC đã được phê duyệt đảm bảo theo quy định.

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được các địa phương thực hiện thực tương đối tốt thông qua các hình thức như công khai địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện, cấp xã. Một số đơn vị cấp xã thuộc Quy Nhơn, An Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ việc công khai TTHC chưa đảm bảo theo quy định.

Việc cập nhật hồ sơ TTHC vào hệ thống một cửa điện tử tại các địa phương chưa đầy đủ theo quy định ( Hoài Nhơn, Vân Canh là 02 địa phương cập nhật hồ sơ đảm bảo theo quy định). Hầu hết các địa phương còn tình trạng trễ hạn trong giải quyết TTHC cho người dân và tổ chức (An Lão là địa phương duy nhất không có hồ sơ trễ hạn). Có 04/11 địa phương thực hiện xin lỗi đối với hồ sơ TTHC bị trễ hạn đầy đủ (Hoài Nhơn, Vĩnh Thạnh, An Lão, Vân Canh)

#### 2.4. Cải cách tổ chức bộ máy

*Bảng 16: Kết quả chỉ số cải cách tổ chức bộ máy của UBND các huyện, thị xã, thành phố*

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Vĩnh Thạnh	100,00	100,00
2	Hoài Nhơn	100,00	100,00
3	Hoài Ân	100,00	100,00
4	Quy Nhơn	100,00	100,00
5	An Nhơn	78,57	100,00
6	An Lão	78,57	92,85
7	Phù Cát	78,57	92,85
8	Tây Sơn	78,57	85,71
9	Phù Mỹ	71,43	100,00
10	Tuy Phước	71,43	100,00
11	Vân Canh	64,29	85,71
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>83,77</b>	<b>96,10</b>

Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy có giá trị trung bình đạt 83,77%, thấp hơn năm 2021(đạt 96,10%); trong đó, có 04 địa phương đạt 100.00% là Vĩnh Thạnh, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Quy Nhơn. Có 07/11 địa phương có Chỉ số thành phần thấp hơn giá trị trung bình. Vân Canh là những địa phương có Chỉ số trung bình đạt giá trị thấp nhất (đạt 64,29%).

Kết quả đánh giá cũng cho thấy, vẫn còn một số địa phương thực hiện chế độ thông tin báo cáo về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế chưa đảm bảo về thời gian và nội dung như: An Lão, Vân Canh, An Nhơn, Tây Sơn, Phù Cát. Công tác thanh tra, kiểm tra các nội dung đã phân cấp ủy quyền cho các phòng chuyên môn, UBND cấp xã tại các địa phương chưa được thực hiện thường xuyên, chưa kịp thời đơn đốc việc xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra sau phân cấp.

## 2.5. Cải cách chế độ công vụ

*Bảng 17: Kết quả chỉ số cải cách chế độ công vụ của UBND các huyện, thị xã, thành phố*

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	An Nhơn	99,90	95,45
2	Vĩnh Thạnh	99,80	77,27
3	Hoài Nhơn	99,70	95,45
4	Tây Sơn	99,70	95,45
5	Hoài Ân	99,50	81,81
6	An Lão	94,90	95,45
7	Vân Canh	94,90	90,90
8	Phù Mỹ	89,80	95,45
9	Quy Nhơn	89,80	77,27
10	Phù Cát	89,70	90,90
11	Tuy Phước	84,70	90,90
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>94,76</b>	<b>89,66</b>

Giá trị trung bình của Chỉ số cải cách chế độ công vụ năm 2022 của các huyện, thị xã, thành phố đạt 94,76%, cao hơn năm 2021 (89,66%). Có 07/11 địa phương có giá trị trung bình đạt từ 90% trở lên: An Nhơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Nhơn, Tây Sơn, Hoài Ân, An Lão, Vân Canh. Tuy Phước là địa phương có chỉ số thành phần thấp nhất (chỉ đạt 84,70%).

Kết quả Chỉ số thành phần cho thấy, các địa phương đã thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực tại cơ quan;

công chức, viên chức được bố trí công tác đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt; việc thực hiện tuyển dụng viên chức, ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc đảm bảo theo quy định; ban hành kế hoạch đánh giá, phân loại CBCCVC và hoàn thành đánh giá đúng thời gian; Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được các địa phương chú trọng hơn trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện hoàn thành 100% nội dung theo kế hoạch.

Hầu hết việc thực hiện Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 11/10/2016 về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại các cấp, các ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã được các địa phương thực hiện nghiêm túc. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị cấp xã chưa thực hiện nghiêm túc về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính thuộc huyện Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ.

Tuy Phước, Quy Nhơn, Vân Canh là 03 địa phương còn cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn theo quy định. Trong thời gian tới các địa phương này cần quan tâm hơn đến công tác chuẩn hóa đội ngũ CBCC đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC của tỉnh.

## 2.6. Cải cách tài chính công

*Bảng 18: Kết quả chỉ số cải cách tài chính công của UBND các huyện, thị xã, thành phố*

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Hoài Ân	98,00	80,00
2	Phù Cát	96,00	80,00
3	An Nhơn	90,00	80,00
4	Quy Nhơn	84,00	80,00
5	Hoài Nhơn	82,00	90,00
6	Vĩnh Thạnh	78,00	60,00
7	An Lão	78,00	60,00
8	Tuy Phước	72,00	80,00
9	Tây Sơn	68,00	70,00
10	Vân Canh	66,00	60,00
11	Phù Mỹ	52,00	80,00
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>78,55</b>	<b>74,55</b>

Giá trị trung bình chung của Chỉ số thành phần Cải cách tài chính công của khối cấp huyện đạt 78,55%, cao hơn so với năm 2021 (đạt 74,55%). Có 05/11 địa phương có kết quả điểm số trên giá trị trung bình. Phù Mỹ có Chỉ số thành phần thấp nhất với kết quả là 52%.

Điều đó cho thấy, các địa phương đã có có nhiều nỗ lực, cố gắng trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách tài chính công, việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đã đi vào nề nếp và ổn định; các địa phương đã kịp thời tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Tuy nhiên, qua theo dõi, có 03/11 địa phương chưa hoàn thành 100% các khuyến nghị sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền (Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Phù Mỹ), có 08/11 địa phương báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách của địa phương chưa đảm bảo thời gian. Hầu hết, các cơ quan không giải ngân hết số tiền ngân sách nhà nước giao phải giải ngân theo kế hoạch (11/11 địa phương).

## 2.7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

**Bảng 19:** Kết quả chỉ số xây dựng và phát triển chính quyền điện tử của UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Quy Nhơn	89,36	84,83
2	Hoài Nhơn	83,91	87,50
3	Vân Canh	83,36	71,41
4	Hoài Ân	80,55	75,00
5	Tuy Phước	79,18	66,00
6	Phù Cát	72,36	81,00
7	An Lão	72,09	76,45
8	An Nhơn	70,91	51,16
9	Tây Sơn	68,55	80,58
10	Phù Mỹ	66,18	69,00
11	Vĩnh Thạnh	65,64	68,91
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>75,64</b>	<b>73,80</b>

Kết quả Chỉ số xây dựng và phát triển chính quyền điện tử có giá trị trung

binh đạt 75,64%, cao hơn năm 2021 (73,80%). Quy Nhơn là địa phương có giá trị trung bình cao nhất (đạt 89,36%), Có 05/11 địa phương có kết quả điểm số trên giá trị trung bình. Vĩnh Thạnh có Chỉ số thành phần thấp nhất với kết quả là 65,64%.

Phân tích từng tiêu chí thành phần cho thấy, các địa phương đạt 100% số điểm tại các tiêu chí: “Ban hành đầy đủ các kế hoạch, quy định, quy chế triển khai chính quyền điện tử”, “Cung cấp các loại thông tin trên trang thông tin điện tử”, “UBND cấp xã cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính”

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đã được các cơ quan, đơn vị thường xuyên duy trì cải tiến theo đúng quy định; Việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đối với TTHC tiếp tục được quan tâm thực hiện và có phát sinh giao dịch.

Có 04/11 địa phương có tỷ lệ văn bản được trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử chưa đạt theo yêu cầu (95% trở lên): Hoài Nhơn, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Nhơn. Có 11/11 địa phương có tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập xử lý dưới dạng điện tử chưa đạt 40%.

07/11 địa phương có số TTHC được cung cấp trực tuyến toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ đảm bảo theo yêu cầu. 10/11 địa phương có tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến từ 20% số hồ sơ TTHC. Có 02/11 địa phương có tỷ lệ thanh toán trực tuyến phí và lệ phí đạt trên 30% là Hoài Nhơn, Quy Nhơn.

## 2.8. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

**Bảng 19:** Kết quả chỉ số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chỉ số năm 2022
1	Quy Nhơn	96,67
2	An Nhơn	96,67
3	Hoài Nhơn	93,33
4	Hoài Ân	90,00
5	Tuy Phước	86,67
6	Tây Sơn	86,67
7	An Lão	83,33
8	Phù Mỹ	83,33
9	Vĩnh Thạnh	76,67
10	Phù Cát	73,33



TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chỉ số năm 2022
11	Vân Canh	66,67
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>84,85</b>

Kết quả Chỉ số các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội có giá trị trung bình đạt 84,85%. Có 02 địa phương có giá trị trung bình cao nhất là Quy Nhơn và An Nhơn với kết quả đạt 96,67%. Vân Canh là địa phương có chỉ số thành phần thấp nhất, đạt 66,67%.

Trong năm 2022, có 04/11 địa phương hoàn thành 100% các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Hội đồng nhân dân cùng cấp giao; 11/11 địa phương thực hiện thu ngân sách vượt chỉ tiêu được UBND tỉnh giao; Quy Nhơn là địa phương duy nhất có tỷ lệ thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh (hoạt động trên địa bàn) được thành lập mới tăng trên 20% so với năm 2021.

### 3. Chỉ số đánh giá tác động của CCHC - Điều tra xã hội học

#### 3.1. Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của UBND các huyện, thị xã, thành phố

*Bảng 20: Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của các huyện, thị xã, thành phố*

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Vĩnh Thạnh	94,97	97,10
2	Vân Canh	94,32	74,87
3	An Lão	91,51	87,36
4	Tây Sơn	88,08	85,66
5	Hoài Nhơn	87,60	79,41
6	Phù Cát	86,95	75,18
7	Phù Mỹ	86,83	74,69
8	Hoài Ân	84,51	77,92
9	An Nhơn	82,44	72,84
10	Quy Nhơn	80,47	83,24
11	Tuy Phước	78,11	82,01

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
<i>Giá trị trung bình</i>		<b>86,89</b>	<b>80,94</b>

**Bảng 21:** Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của UBND các huyện theo các nội dung đánh giá

TT	Nhóm tiêu chí đánh giá	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Tiếp cận dịch vụ	91,19	79,99
2	Thủ tục hành chính	91,33	76,76
3	Sự phục vụ của công chức, viên chức	91,59	74,90
4	Kết quả dịch vụ	73,63	85,90
5	Tiếp nhận và xử lý các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị	78,07	87,13

Theo kết quả đo lường sự hài lòng đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố giá trị trung bình năm 2022 là 86,89%, tăng 5,95% so với năm 2021 (đạt 80,94%). Năm 2022 có 6/11 địa phương đạt chỉ số hài lòng cao hơn giá trị trung bình; trong đó có 02 địa phương duy trì vị thứ xếp hạng trong nhóm đứng đầu bảng gồm Vĩnh Thạnh, An Lão; nổi bật là sự tăng hạng của Vân Canh tăng 19.45%, đứng vị thứ 2 (năm 2021 đứng vị thứ 9) và lần lượt Hoài Nhơn đứng vị thứ 5 (năm 2021 đứng vị thứ 6), Phù Cát đứng vị thứ 6 (năm 2021 đứng vị thứ 8) và Phù Mỹ đứng vị thứ 7 (năm 2021 đứng vị thứ 10).

### **3.2. Chỉ số đánh giá của đại biểu HĐND, CBCC lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương**

**Bảng 22:** Kết quả khảo sát Đại biểu HĐND, CBCC lãnh đạo, quản lý đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC đối với các huyện, thị xã, thành phố

TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	An Nhơn	72,60	80,30
2	Hoài Nhơn	66,70	80,80
3	Quy Nhơn	65,00	83,00
4	Hoài Ân	63,90	80,90
5	Phù Mỹ	61,00	78,50

<b>TT</b>	<b>UBND các huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
6	Vĩnh Thanh	60,00	75,50
7	An Lão	59,90	76,80
8	Phù Cát	58,80	79,50
9	Tuy Phước	58,20	77,90
10	Tây Sơn	56,00	80,20
11	Vân Canh	52,70	73,20
<b>Giá trị trung bình</b>		<b>61,35</b>	<b>78,78</b>

Chỉ số khảo sát, đánh giá của Đại biểu HĐND, CBCC lãnh đạo, quản lý về công tác CCHC đối với khối UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 đạt 61,35%, thấp hơn kết quả khảo sát năm 2021 (78,78%); kết quả này cho thấy đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đặt ra những yêu cầu cao hơn cho sự chuyển biến trong công tác CCHC đối với khối các huyện, thị xã, thành phố. Do đó, các địa phương cần tiếp tục quan tâm, quyết liệt hơn nữa trong công tác CCHC tại địa phương. An Nhơn là địa phương được đánh giá cao nhất với 72,60%, tiếp đến là Hoài Nhơn, Quy Nhơn. Vân Canh là địa phương có kết quả đánh giá thấp nhất, đạt 52,70%.

#### **4. Điểm thưởng – Điểm trừ**

##### **4.1. Điểm thưởng**

Có 03/11 địa phương được cộng 01 điểm thưởng: Quy Nhơn, Hoài Nhơn và Vân Canh vì có thành tích nổi trội, vượt bậc về kết quả thực hiện trong năm 2022, cụ thể:

- UBND thành phố Quy Nhơn và UBND thị xã Hoài Nhơn: (i) là 02 địa phương duy trì thành tích dẫn đầu về số lượng giao dịch thanh toán trực tuyến và hồ sơ trực tuyến; (ii) Bộ phận Một cửa cấp huyện, 100% Bộ phận Một cửa cấp xã trên địa bàn hoàn thành việc sử dụng biên lai, hóa đơn điện tử, cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử sớm nhất so với các địa phương còn lại.

- UBND huyện Vân Canh: đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến và sử dụng phần mềm một cửa điện tử để giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả năm 2022 của địa phương có tiến bộ vượt bậc so với các năm trước đây: (i) tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của huyện Vân Canh đạt 42%, tăng 40% so với năm 2021 (chỉ đạt 2,2%); (ii) Vân Canh có số lượng công chức cấp xã giải quyết trễ hạn hồ sơ ít nhất so với các địa phương còn lại.

#### 4.2. Điểm trừ

Có 03/11 địa phương bị trừ 01 điểm: Quy Nhơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh, cụ thể:

- UBND phố Quy Nhơn: Cơ quan thanh tra đã tiến hành thanh tra và phát hiện thành phố Quy Nhơn đã chi sai chế độ phụ cấp cho người hoạt động đông chuyên trách cấp xã trên địa bàn thành phố và đã được báo chí, dư luận phản ánh.

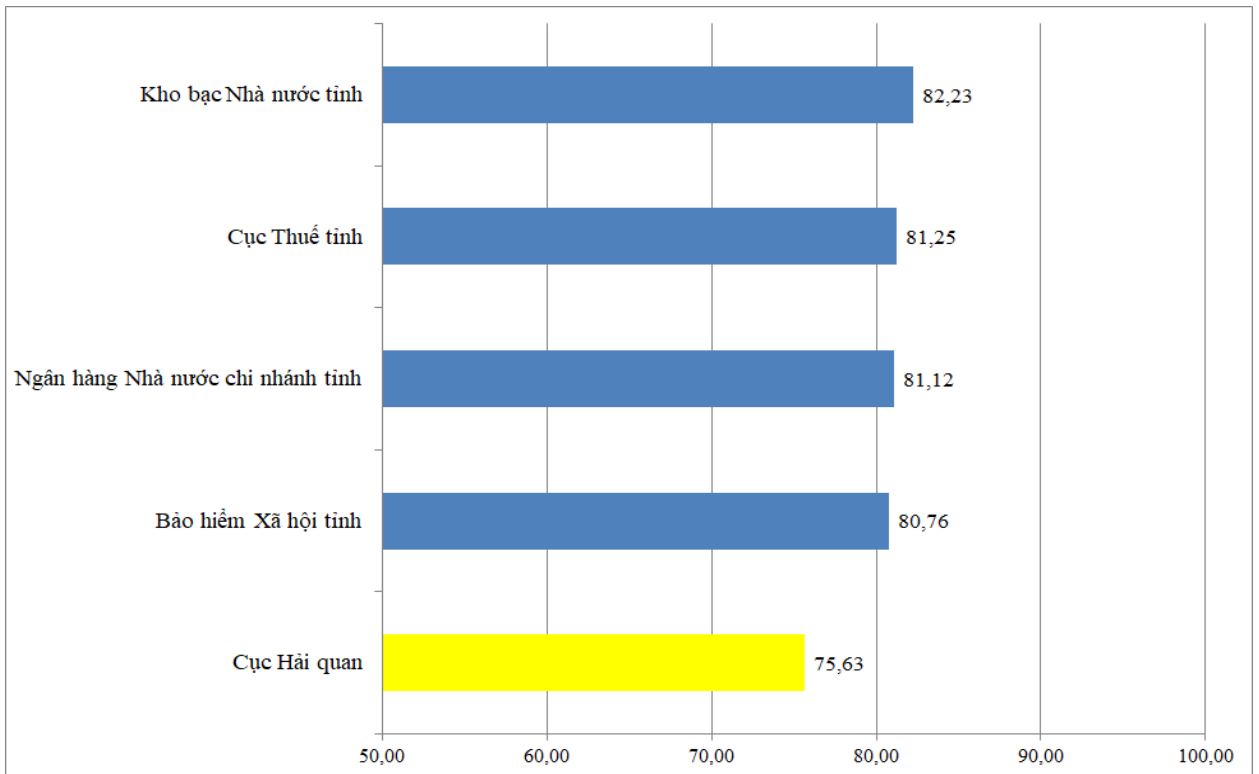
- UBND huyện Vân Canh, UBND huyện Vĩnh Thạnh: Cơ quan thanh tra đã tiến hành thanh tra và phát hiện huyện đã thực hiện giao đất không đúng đối tượng và đã được báo chí, dư luận phản ánh.

### III. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022 CỦA MỘT SỐ CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

#### 1. Chỉ số tổng hợp

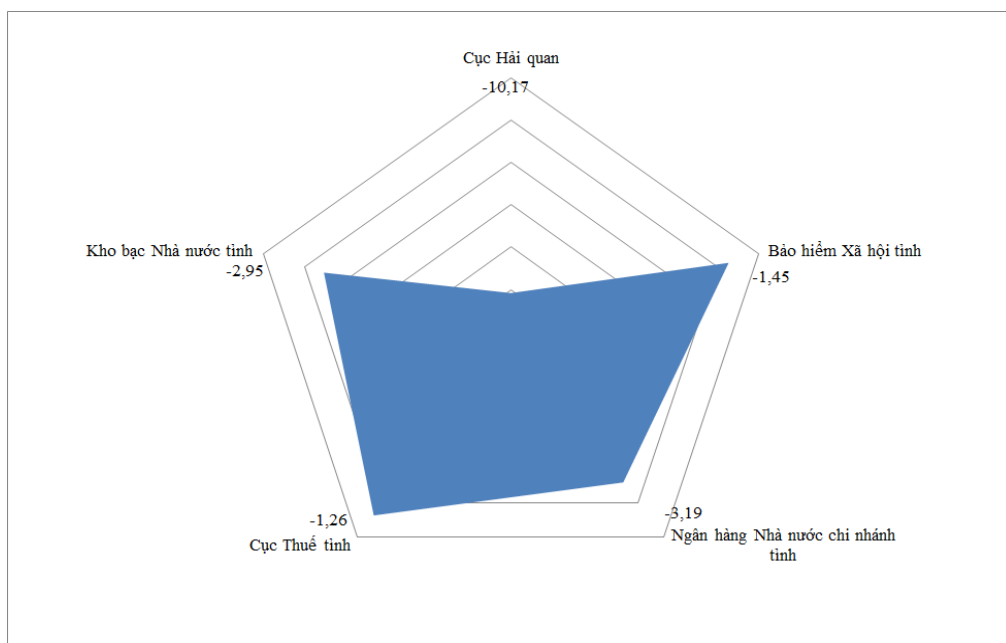
*Bảng 23: Kết quả điểm số và Chỉ số CCHC năm 2022 của một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh*

XẾP HẠNG	TÊN CƠ QUAN	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND tỉnh; CBCCVC lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
1	Kho bạc Nhà nước tỉnh	24,23	14,63	43,37	82,23	<b>82,23%</b>
2	Cục Thuế tỉnh	25,35	15,83	40,07	81,25	<b>81,25%</b>
3	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	23,48	14,73	42,91	81,12	<b>81,12%</b>
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh	24,47	15,70	40,59	80,76	<b>80,76%</b>
5	Cục Hải quan tỉnh	24,16	14,30	37,17	75,63	<b>75,63%</b>
<b>Giá trị trung bình</b>						<b>80,20%</b>



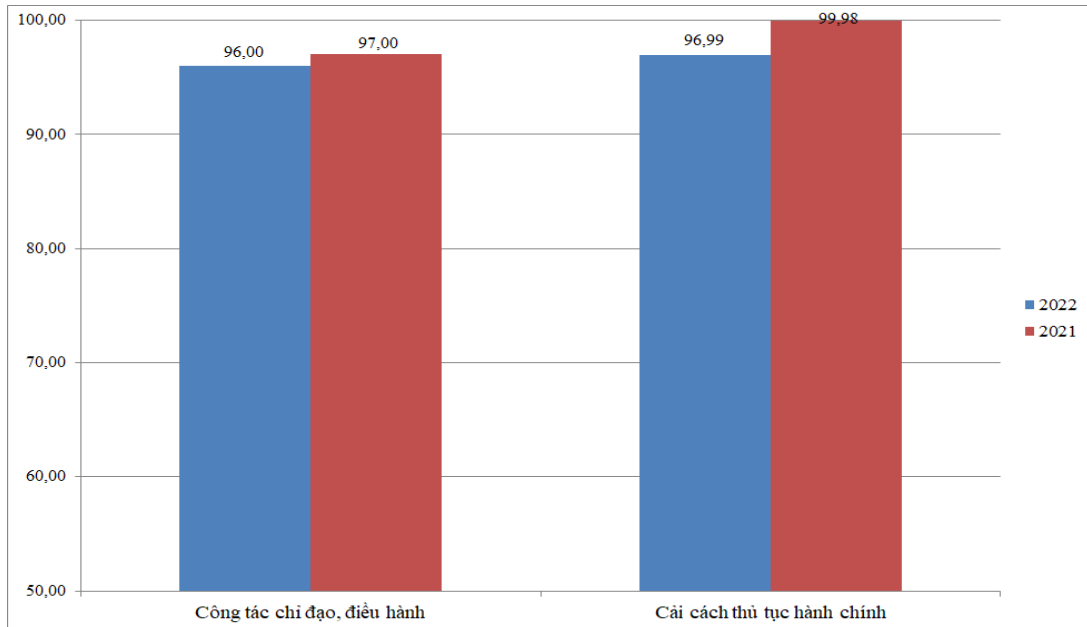
***Biểu đồ 7: Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 các cơ quan***

Chỉ số tổng hợp CCHC năm 2022 của một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có giá trị trung bình đạt 80,20%, giảm 3,80% so với năm 2021 (chỉ số trung bình năm 2021 đạt 84,00%). Có 04/05 cơ quan có Chỉ số CCHC năm 2022 trên mức giá trị trung bình. Không có cơ quan đạt mức độ nhóm 1, tất cả đều đạt ở nhóm 2. Kho bạc Nhà nước tỉnh là cơ quan dẫn đầu có kết quả chỉ số CCHC là 82,23%. Cục Hải quan là cơ quan xếp vị trí cuối cùng và có chỉ số CCHC là 75,63%.



**Biểu đồ 8: Mức độ cải thiện chỉ số tổng hợp của các cơ quan năm 2022 so với năm 2021**

Kết quả chỉ số CCHC năm 2022 cho thấy, có 05/05 cơ quan có Chỉ số CCHC giảm so với năm 2021. Cục Hải quan có giá trị điểm số giảm cao nhất với giá trị là - 10,17 (**Biểu đồ 8**)



**Biểu đồ 9: So sánh các Chỉ số thành phần của các cơ quan năm 2022 và 2021**

So sánh giá trị trung bình của 02 chỉ số thành phần (**biểu đồ 9**) cho thấy, 02/02 chỉ số thành phần có giá trị trung bình thấp hơn năm 2021. Điều đó cho thấy, công tác CCHC tại các cơ quan cần được quan tâm đúng mức, quyết liệt hơn nữa trong công tác chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan.

**2. Chỉ số thành phần đánh giá kết quả CCHC theo từng lĩnh vực**

**2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**

**Bảng 24:** Kết quả Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành CCHC của một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

TT	Tên cơ quan	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh	100,00	95,00
2	Cục Hải quan tỉnh	99,36	100,00
3	Cục Thuế tỉnh	98,82	100,00
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	95,45	95,00
5	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	86,36	95,00
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>96,00</b>	<b>97,00</b>

Giá trị trung bình Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành CCHC của một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh trong năm 2022 đạt 96,00%, thấp hơn kết quả năm 2021 (97,00%); có 01 đơn vị có kết quả tuyệt đối (đạt 100%) là Bảo hiểm xã hội tỉnh

Nhìn chung, trong năm 2022 các đơn vị đã quan tâm, thực hiện khá tốt công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC như: có sự quan tâm trong việc ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch CCHC tại đơn vị và các đơn vị trực thuộc; thực hiện tốt công tác kiểm tra CCHC; đã tổ chức các cuộc đối thoại với các doanh nghiệp nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định mới trong giải quyết thủ tục hành chính.

Công tác báo cáo CCHC định kỳ đã được các đơn vị thực hiện đầy đủ. Tuy nhiên, báo cáo chuyên đề về kiểm soát TTHC của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh chưa đảm bảo về thời gian.

## 2.2. Cải cách thủ tục hành chính

**Bảng 26: Kết quả chỉ số cải cách TTHC của một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh**

TT	Tên cơ quan	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	99,86	100,00
2	Kho bạc Nhà nước tỉnh	98,07	100,00
3	Cục Thuế tỉnh	96,29	100,00
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh	96,21	99,92
5	Cục Hải quan tỉnh	94,50	100,00
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>96,99</b>	<b>99,98</b>

Qua kết quả tổng hợp, giá trị trung bình của chỉ số thành phần cải cách TTHC đạt 96,99%, thấp hơn năm 2021 (99,98%). Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh có giá trị chỉ số thành phần cao nhất, đạt 99,89%. Có 02/05 cơ quan có kết quả Chỉ số thành phần cao hơn giá trị trung bình chung của. Cục Hải quan là cơ quan đạt kết quả thấp nhất (đạt 94,50%).

Điều đó cho thấy các đơn vị đã thực hiện tốt công tác công khai TTHC và địa chỉ phản ánh kiến nghị theo quy định. Tuy nhiên, qua khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với các cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 thì 05/05 cơ quan đều có hồ sơ trễ hẹn trong giải quyết TTHC. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh là cơ quan thực hiện kịp thời việc xin lỗi đối với các hồ sơ TTHC bị trễ hẹn.

### 3. Chỉ số đánh giá tác động của CCHC - Điều tra xã hội học

#### 3.1. Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

**Bảng 27:** Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

TT	Tên cơ quan	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Kho bạc Nhà nước tỉnh	86,73	81,27
2	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	85,81	79,52
3	Bảo hiểm xã hội tỉnh	81,17	75,32
4	Cục Thuế tỉnh	80,14	75,98
5	Cục Hải quan tỉnh	74,33	81,30
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>81,64</b>	<b>78,68</b>

**Bảng 28:** Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh theo các nội dung đánh giá

TT	Nhóm tiêu chí đánh giá	Chỉ số năm 2022	Chỉ số năm 2021
1	Tiếp cận dịch vụ	87,95	79,95
2	Thủ tục hành chính	85,22	73,48
3	Sự phục vụ của công chức, viên chức	85,06	69,22
4	Kết quả dịch vụ	70,77	82,62
5	Tiếp nhận và xử lý các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị	79,18	88,13

Theo kết quả đo lường sự hài lòng đối với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh giá trị trung bình năm 2022 đạt tỷ lệ 81,64%, cao hơn năm 2021 (đạt 78,68%), cao hơn kết quả khảo sát của năm 2020 (đạt 72,06%). Năm 2022 có 2/5 cơ quan đạt chỉ số hài lòng cao hơn giá trị trung bình; trong số 02 cơ quan đứng đầu bảng năm 2022 đều có sự thăng hạng, Kho bạc Nhà nước tỉnh từ vị trí thứ 2 năm 2021 lên vị trí đầu bảng với 86,73%, tăng 5,46%; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh từ vị trí thứ 3 năm 2021 lên vị trí thứ 2 với 85,81%. Các cơ quan có chỉ số hài lòng tăng so với năm 2021 và nâng vị thứ xếp hạng



gồm Bảo hiểm xã hội tỉnh tăng 5,84% (năm 2021 đứng bị thứ 5) và Cục Thuế tăng 4,16%. Cục Hải quan là cơ quan có điểm chỉ số thấp nhất, giảm 6,97%, từ vị trí đầu bảng năm 2021 xuống vị trí cuối bảng năm 2022.

### **3.2. Chỉ số đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh, CBCC lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương**

**Bảng 29:** Kết quả khảo sát Đại biểu HĐND tỉnh, CBCC lãnh đạo, quản lý đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC đối với một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan</b>	<b>Chỉ số năm 2022</b>	<b>Chỉ số năm 2021</b>
1	Cục Thuế tỉnh	63,32	81,20
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	62,80	87,60
3	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	58,92	81,20
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	58,52	78,50
5	Cục Hải quan tỉnh	57,20	79,50
	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>60,15</b>	<b>81,60</b>

Chỉ số khảo sát, đánh giá của cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý về công tác CCHC đối với khối các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh năm 2022 đạt 60,15%, thấp hơn kết quả năm 2021 (81,60%); điều đó cho thấy công tác CCHC của các cơ quan cần tiếp tục quan tâm, quyết liệt hơn nữa trong công tác CCHC tại đơn vị mình, như: Đơn giản hóa TTHC; rút ngắn thời gian giải quyết công việc; tinh thần phục vụ, thái độ giao tiếp, việc tiếp nhận và xử lý công việc của công chức, viên chức.

## **4. ĐIỂM THƯỞNG – ĐIỂM TRỪ**

### **4.1. Điểm thưởng**

Cục thuế tỉnh là cơ quan được cộng 01 điểm thưởng. Trong năm 2022, Cục Thuế tỉnh thực hiện tổng thu nội địa đạt 139% kế hoạch được giao, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2021 và đã được Tổng cục Thuế biểu dương, khen thưởng trong toàn ngành Thuế.

## **IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những kết quả đạt được**

Năm 2022, CCHC tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng hàng đầu trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh nhằm vượt qua

những khó khăn, thử thách của đại dịch Covid-19, hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội theo kế hoạch. UBND tỉnh đã tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kịp thời xử lý các vướng mắc, kiến nghị của người dân, tổ chức.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng đã tích cực nghiên cứu, có giải pháp đổi mới phương thức làm việc, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, quyết liệt chuyển đổi số để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước và đặc biệt là cải thiện chất lượng phục vụ nhân dân. Trong quá trình thực hiện, nhiều địa phương đã tích cực nghiên cứu, đánh giá và áp dụng nhân rộng nhiều sáng kiến hay về CCHC. Các hoạt động thông tin tuyên truyền về CCHC ngày càng đa dạng, phong phú và thiết thực, tận dụng tối đa tiện ích của các mạng xã hội để truyền tải kịp thời, nhanh chóng những kết quả, chính sách mới về CCHC đến người dân, doanh nghiệp và xã hội. Năm 2022 là năm đầu tiên đánh giá các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

Việc khảo sát người dân, doanh nghiệp phục vụ xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của các cơ quan hành chính tiếp tục được triển khai bài bản, khoa học, chuyên nghiệp và hiệu quả với sự tham gia thực hiện của tổ chức khảo sát độc lập là Bưu điện tỉnh cùng với sự giám sát, phúc tra đa chiều của các cơ quan, tổ chức, như: Sở Nội vụ và các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh) giúp nâng cao tính khách quan, chính xác. Kết quả Chỉ số CCHC hàng năm đã trở thành công cụ quản lý quan trọng, giúp xác định rõ ưu điểm, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Qua báo cáo phân tích, đánh giá cho thấy, kết quả Chỉ số CCHC năm 2021 của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã có chuyển biến tích cực:

- Đối với khối các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: Có 07/21 cơ quan có Chỉ số CCHC tăng cao hơn so với năm 2021, đó là: Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và Sở Tư pháp. Sở Xây dựng có giá trị điểm số tăng cao nhất với giá trị là 7,29. Sở Nội vụ là đơn vị dẫn đầu có kết quả chỉ số CCHC là 95,07%. Ban Dân tộc là cơ quan xếp vị trí cuối cùng và có chỉ số CCHC là 82,73%.

Có 04/07 chỉ số thành phần có giá trị trung bình cao hơn năm 2021, gồm: Công tác chỉ đạo, điều hành; tham mưu xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; cải cách chế độ công vụ.

- Đối với khối UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chỉ số tổng hợp cải cách hành chính năm 2022 đạt 81,63%, tăng 0,21% so với năm 2021 (chỉ số

trung bình năm 2021 đạt 81,42%). Có 05/11 địa phương có Chỉ số CCHC tăng cao hơn so với năm 2021, đó là: Vân Canh, An Nhơn, Hoài Nhơn, Hoài Ân và An Lão. Vân Canh có giá trị điểm số tăng cao nhất với giá trị là 6,88. Hoài Nhơn là địa phương tiếp tục dẫn đầu có kết quả chỉ số CCHC là 88,41%. Phù Mỹ là địa phương xếp vị trí cuối cùng và có chỉ số CCHC là 76,02%.

Có 04/07 chỉ số thành phần có giá trị trung bình cao hơn năm 2021, gồm: Công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Đối với một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: các đơn vị đã quan tâm, thực hiện khá tốt công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC như: có sự quan tâm trong việc ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch CCHC tại đơn vị và các đơn vị trực thuộc; thực hiện tốt công tác kiểm tra CCHC; đã tổ chức các cuộc đối thoại với các doanh nghiệp nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định mới trong giải quyết thủ tục hành chính.

Trong hai năm trở lại đây, nhất là trong năm 2022, các địa phương thuộc vùng miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (An Lão, Hoài Ân, Vân Canh) đã có sự cố gắng, nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai các nhiệm vụ CCHC tại địa phương, nhất là trong công tác cải cách TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và trực tuyến một phần; từ đó, đem lại sự chuyển biến tích cực trong kết quả thực hiện CCHC, vươn lên nằm trong nhóm dẫn đầu bảng xếp hạng Chỉ số CCHC của khối UBND cấp huyện.

## **2. Một số hạn chế**

- Qua triển khai đánh giá, xác định Chỉ số CCHC, vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện tốt việc tự đánh giá, chấm điểm; kết quả tự chấm điểm chưa đầy đủ tài liệu kiểm chứng, số liệu đánh giá chưa đúng với thực trạng tại đơn vị, địa phương. Một trong những nguyên nhân là do một số đơn vị, địa phương chưa thật sự quan tâm đúng mức đến công tác triển khai các hoạt động theo dõi, đánh giá; sự phối hợp giữa các phòng, ban liên quan tại đơn vị, địa phương chưa thực sự hiệu quả; số liệu tổng hợp không có sự liên thông, thiếu thống nhất.

- Qua xác định Chỉ số CCHC năm 2022 đã chỉ ra cụ thể những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đó là:

+ Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh:

Có 02 Chỉ số thành phần là về Cải cách tài chính công và Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử giảm so với năm 2021; kết quả điều tra xã hội học các đối tượng là đại biểu HĐND tỉnh, CBCCVC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chưa cao, có chiều hướng giảm so với năm 2021

Về cải cách tổ chức bộ máy, một số cơ quan chưa thực hiện đúng cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương đúng quy định và không nhiều hơn số lượng công chức chuyên môn; công tác báo cáo về tổ chức bộ máy, biên chế chưa đảm bảo theo quy định về nội dung và thời gian.

Về cải cách chế độ công vụ, một số cơ quan chưa kịp thời rà soát, điều chỉnh trình UBND tỉnh điều chỉnh Đề án vị trí việc làm công chức sau khi ban hành mới quy định chức năng nhiệm vụ.

Về cải cách tài chính công, có 03 cơ quan có đơn vị sự nghiệp trực thuộc giảm mức độ tự chủ từ nhóm 3 xuống nhóm 4. Hầu hết, các cơ quan được giao giải ngân vốn ngân sách nhà nước đều chưa hoàn thành giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

Về xây dựng chính quyền điện tử, một số cơ quan có tỷ lệ trao đổi và xử lý văn bản dưới dạng điện tử chưa đạt yêu cầu, nhiều cơ quan có tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập ở mức thấp.

+ Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Có 02 chỉ số thành phần có giá trị trung bình giảm so với năm 2021, đó là các Chỉ số thành phần: Xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; kết quả điều tra xã hội học các đối tượng là đại biểu HĐND, CBCCV giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chưa cao, có chiều hướng giảm so với năm 2021.

Về công tác chỉ đạo điều hành, Kế hoạch CCHC hàng năm tại nhiều đơn vị cấp xã chưa đảm bảo về nội dung, còn mang tính hình thức, một số nhiệm vụ CCHC không phù hợp đối với cấp xã; Trong năm 2022, các địa phương chưa hoàn thành Kế hoạch CCHC của địa phương và các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao, Chủ tịch UBND tỉnh giao đảm bảo theo quy định về thời gian; một số địa phương chưa kịp thời tổ chức khen thưởng đối với công tác CCHC

Công tác ban hành VBQPPL tại nhiều đơn vị cấp xã chưa đảm bảo về hình thức, căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành.

Một số đơn vị cấp xã thực hiện công khai TTHC chưa đảm bảo theo quy định; cập nhật hồ sơ TTHC vào hệ thống một cửa điện tử tại các địa phương chưa đầy đủ theo quy định. Hầu hết các địa phương còn tình trạng trễ hạn trong giải quyết TTHC cho người dân và tổ chức.

Về cải cách tổ chức bộ máy, Công tác thanh tra, kiểm tra các nội dung đã phân cấp ủy quyền cho các phòng chuyên môn, UBND cấp xã tại các địa phương chưa được thực hiện thường xuyên, chưa kịp thời đôn đốc việc xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra sau phân cấp.

Về cải cách chế độ công vụ, vẫn còn một số đơn vị cấp xã có cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định; chưa thực hiện nghiêm túc về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Về cải cách tài chính công, nhiều địa phương báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách chưa đảm bảo thời gian. Hầu hết, các cơ quan không giải ngân hết số tiền ngân sách nhà nước giao phải giải ngân theo kế hoạch.

Về xây dựng chính quyền điện tử, còn nhiều địa phương có tỷ lệ trao đổi và xử lý văn bản dưới dạng điện tử chưa đạt yêu cầu, tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập ở mức thấp, tỷ lệ thanh toán trực tuyến phí và lệ phí đạt dưới 30%.

Một số địa phương chưa hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tỷ lệ thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh (hoạt động trên địa bàn) tăng so với năm 2021 đạt mức thấp

+ Đối với một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh:

02/02 chỉ số thành phần có giá trị trung bình thấp hơn năm 2021, kết quả điều tra xã hội học các đối tượng là đại biểu HĐND tỉnh, CBCCVC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chưa cao, có chiều hướng giảm so với năm 2021.

Một số cơ quan thực hiện báo cáo chuyên đề về kiểm soát TTHC chưa đảm bảo về thời gian; hầu hết các cơ quan đều có hồ sơ trễ hẹn trong giải quyết TTHC; chưa kịp thời thực hiện việc xin lỗi đối với các hồ sơ TTHC bị trễ hẹn.

## **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Đề xuất UBND tỉnh**

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương bám sát tình hình, yêu cầu thực tiễn của CCHC để đề ra các giải pháp cụ thể để tổ chức triển khai có hiệu quả công tác CCHC thuộc phạm vi, địa bàn quản lý, tạo đột phá trong CCHC năm 2023.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên rà soát, tăng cường đổi mới, sáng tạo và mạnh dạn triển khai thí điểm, nhân rộng các mô hình cải cách mới, có tính đột phá để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, giúp phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả kết quả Chỉ số CCHC hàng năm vào công tác quản lý, điều hành và theo dõi, đánh giá và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; quan tâm và có biện pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế, yếu kém, bất cập trong công tác CCHC, nhất là những hạn chế, bất cập diễn ra trong thời gian dài

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và kết quả CCHC của tỉnh, nhất là các điển hình, mô hình cải cách mới, các giải pháp, sáng kiến cải cách có tính đột phá, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính cho công tác CCHC, đặc biệt là trong những lĩnh vực trọng tâm, đột phá. Tăng cường công tác kiểm tra CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Chỉ đạo các Sở, ngành đã được UBND tỉnh giao chủ trì các nội dung có liên quan trong việc theo dõi công tác CCHC trên địa bàn tỉnh: Cần tập trung đánh giá, tổng hợp kết quả đối với nội dung được phân công theo dõi, nêu rõ những nội dung cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện tốt và hướng dẫn hình thức khắc phục để phục vụ cho công tác thẩm định Chỉ số CCHC hàng năm; tiếp tục nghiên cứu, đổi mới phương pháp, nội dung đánh giá, ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, bảo đảm đánh giá toàn diện, khách quan, công bằng, phản ánh đầy đủ kết quả triển khai CCHC tại các cơ quan, đơn

vị, địa phương.

## **2. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh**

- Các cơ quan, địa phương căn cứ vào kết quả Chỉ số CCHC năm 2022 sớm tổ chức hội nghị rà soát, phân tích và đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả Chỉ số CCHC năm 2022 theo từng lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần. Xác định rõ những tồn tại, hạn chế, ban hành các biện pháp khắc phục và nâng cao hiệu quả CCHC, năm 2023 cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Chủ động, tích cực đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, quan tâm bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch CCHC hàng năm. Thường xuyên theo dõi, đánh giá, quán triệt việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC để kịp thời phát hiện và chỉ đạo xử lý những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai và phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị.

- Quan tâm bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC, chủ động nghiên cứu, thí điểm hoặc nhân rộng các mô hình cải cách mới có hiệu quả, phù hợp với phạm vi, thẩm quyền được giao và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về CCHC

- Tập trung đẩy mạnh cải cách thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng VBQPPL bảo đảm tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất, tính khả thi, tính hiệu quả của văn bản. Tăng cường công tác rà soát, hệ thống hóa và theo dõi thi hành pháp luật, kịp thời phát hiện những bất cập để kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý.

- Tăng cường rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa TTHC một cách hiệu quả, thực chất. Kịp thời công bố, công khai và cập nhật TTHC trên Cổng dịch công, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và tại nơi tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC. Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC, hướng đến giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm CBCCV có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, yêu cầu người dân, tổ chức nộp thêm các giấy tờ ngoài quy định khi giải quyết TTHC.

- Tiếp tục đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC; kịp thời giải quyết các phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức về các quy định TTHC, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong nhân dân.

- Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đảm bảo theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền phù hợp với năng lực quản lý, điều hành của các cấp và gắn chặt chẽ với thực hiện tin giản biên chế

- Hoàn thiện các nội dung về vị trí việc làm của công chức, viên chức sau khi thực hiện cắt giảm, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, công chức.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã phê duyệt. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh, xử lý những trường hợp sai phạm trong quản lý, xử dụng kinh phí từng nguồn ngân sách nhà nước.

- Ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai có hiệu quả các nhóm nhiệm vụ về xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử; thực hiện hiệu quả việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử và gửi, nhận văn bản điện tử trong nội bộ các cơ quan hành chính nhà nước. Xây dựng và triển khai có hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển Chính quyền điện tử. Quan tâm đầu tư, nâng cấp các chức năng, tiện ích mới của Cổng dịch vụ công nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận thông tin, giải quyết hồ sơ trực tuyến.

- Tích cực nghiên cứu, tìm kiếm và áp dụng, nhân rộng các mô hình, sáng kiến trong CCHC, biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân điển hình làm tốt công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền CCHC, nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của đội ngũ CBCCVC và sự đồng thuận của xã hội về thực hiện công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu VT, CCHC-VTLT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Xuân Long**